



**TAN CANG
LOGISTICS**
EFFECTIVE SUPPLY CHAIN SOLUTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVN XẾP DỠ TÂN CẢNG
470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP HCM
Mã số doanh nghiệp: 0304875444
Website : <http://tancanglogistics.com>

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (TCL) trân trọng kính mời Quý Cổ đông có thông tin dưới đây tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với các thông tin chi tiết như sau:

Tên cổ đông : XXX

Địa chỉ : XXX

Số đăng ký sở hữu (do Trung tâm lưu ký cấp) : XXX

Thông tin cụ thể về Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của TCL chi tiết như sau:

- 1. Thời gian:** ngày 15/6/2023, dự kiến khai mạc lúc 8 giờ 30 sáng và kết thúc lúc 11 giờ 00 trưa.
- 2. Địa điểm :** Hội trường TCL Building (470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh)
- 3. Điều kiện tham dự:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của TCL theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/4/2023 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
- 4. Nội dung :** Thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 5. Tài liệu họp:** Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 sẽ được công bố tại địa chỉ: www.tancanglogistics.com từ ngày 24/5/2023.
- 6. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:** Trường hợp quý cổ đông không dự họp mà ủy quyền cho người khác, có thể sử dụng mẫu Giấy ủy quyền ở mặt sau, hoặc có thể tự lập văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 7. Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, quý cổ đông vui lòng liên hệ với Công ty như sau:**

Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng

Địa chỉ: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký công ty

Điện thoại: 0982.040.545

Email: trangpt1@saigonnewport.com.vn

- 8. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

- Thư mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có);
- Thẻ CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao họp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.





MỤC LỤC TÀI LIỆU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2023

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Trang 1);
2. Quy chế làm việc và biểu quyết (Trang 2-6);
3. Tờ trình về kết quả SXKD năm 2022; kế hoạch SXKD năm 2023; kết quả đầu tư năm 2022; kế hoạch đầu tư năm 2023 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (Trang 7 – 11);
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị (Trang 12-20);
5. Báo cáo của Ban kiểm soát (Trang 21-25);
6. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán (Trang 26);
7. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 (Trang 27-28);
8. Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022; kế hoạch năm 2023 (Trang 29 -30);
9. Tờ trình về chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Trang 31);
10. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty và xác định tỷ lệ SHNN tối đa tại mức 49% (Trang 32 - 38);
11. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp (Trang 39 - 43);
12. Mẫu Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết;
13. Mẫu giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ Thường niên năm 2023;
14. Dự thảo Điều lệ mới thay thế cho bản Điều lệ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua vào ngày 16/6/2022;
15. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC Việt Nam (Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng) và Báo cáo tài chính hợp nhất), cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thời gian dự kiến: 8^h30 –11^h00 Thứ Năm, ngày 15/6/2023 (đón khách từ 8^h00).

Địa điểm: Hội trường tòa nhà TCL Building (Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

STT	NỘI DUNG	TỪ	ĐẾN
I KHAI MẠC ĐẠI HỘI			
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời và đăng ký đại biểu.	8:00	8:30
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc Đại hội.	8:30	8:35
3	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu và tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.	8:35	8:40
4	Giới thiệu và thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu.	8:40	8:45
5	Thông qua Quy chế làm việc, chương trình và thời gian Đại hội.	8:45	8:50
II NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI			
1	Báo cáo kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023; kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.	8:50	9:45
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.		
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.		
4	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023.		
5	Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022; kế hoạch năm 2023.		
6	Tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022; kế hoạch năm 2023.		
7	Tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn sở hữu 51%)		
8	Tờ trình sửa đổi ngành nghề kinh doanh, Điều lệ Cty và xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mức 49%.		
III ĐẠI HỘI THẢO LUẬN.		9:45	10:15
IV BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT			
1	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình.	10:15	10:25
2	Nghỉ giải lao.	10:25	10:40
3	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình.	10:40	10:45
V BẾ MẠC ĐẠI HỘI			
1	Thông qua Biên bản, nghị quyết Đại hội.	10:45	10:55
2	Bế mạc Đại hội.	10:55	11:00



**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng ngày 16/6/2022;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ngày 16/6/2022;
Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng năm 2023 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **18/4/2023** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi tắt là Đại biểu) khi tham dự Đại hội đề nghị ăn mặc nghiêm túc, lịch sự, có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội, Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội; Không hút thuốc trong hội trường; Không nói chuyện to để ảnh hưởng đến đại hội; để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy.

4. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tịch đoàn cho phép.

Điều 2. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đoàn và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Thư ký Đại hội

1. Thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tọa đề cử. Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

- a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Đoàn Chủ tọa đề cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày

dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tọa;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
 - Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.
 - Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thành phần Đoàn chủ tọa, Thư ký, thành phần Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và biểu quyết tại đại hội; thông qua Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình khác tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong hơn một lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ vấn đề đó. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết: Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (**ngày 18/4/2023**) tổng số cổ phần của công ty là **30,158,436** cổ phần tương đương với **30,158,436** quyền biểu quyết.

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

+ Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết: Tán thành; Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

Điều 7. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông: Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định.

Điều 8. Thi hành Quy chế: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự, khách mời họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Số: 01/TTr - TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Báo cáo về kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023;
kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023 và báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2022.**

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Đặc điểm tình hình năm 2022:

- Tình hình lạm phát trên thế giới vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp, giá năng lượng biến động khó lường, nguồn cung không ổn định, lương thực tiềm ẩn nguy cơ mất mùa do biến đổi khí hậu, bất ổn chính trị từ xung đột Nga-Ukraine, hậu quả của đại dịch COVID-19... khiến kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức, nhiều doanh nghiệp bị hụt đơn hàng, nhiều ngành nghề bị thu hẹp, đầu tư, thương mại toàn cầu giảm sút. Tuy nhiên, công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng của TCT TCSG, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, HĐQT, BGD đã giúp công ty hoàn thành và vượt kế hoạch SXKD năm 2022.

- Từng bước điều chỉnh chính sách giá dịch vụ các khu vực dịch vụ của TCL như Depot TC Mỹ Thủy, Bến Đón rút 125, ICD TC Nhơn Trạch theo lộ trình, thị trường và theo biểu giá của TCT TCSG, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm 2022.

- Tình hình cạnh tranh giữa các Depot ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, các Depot của TCL ổn định, công tác truyền thông, tiếp thị, thu hút khách hàng/hãng tàu và nâng cao chất lượng dịch vụ luôn được tăng cường quan tâm, đặc biệt đã thành công trong việc đưa container từ Cái Mép về ICD TCNT, thêm 02 Hãng tàu mới về Depot Mỹ Thủy góp phần ổn định sản lượng xuất nhập bãi về Depot.

- Sản lượng xếp dỡ giải phóng sà lan tại bến 125 giảm 20% so với năm 2021 và dự kiến tiếp tục giảm trong năm 2023 do quy hoạch container xuất nhập tàu tuyến Cái Mép thực hiện tại cầu tàu KV khác. Bến 125 xếp dỡ container tuyến Nhơn Trạch, Hiệp Phước và Miền Tây.

- Triển khai các giải pháp tập trung phát triển dịch vụ của ICD TCNT như: thực hiện đầu tư 200 ỏ cắm tăng năng lực phục vụ khách hàng, sắp xếp lại các ngành nghề có lợi thế và phù hợp với vị trí, xúc tiến công tác truyền thông và tiếp thị các dịch vụ giúp sản lượng hàng hóa XNK thông qua ICD TCNT tăng lên. Tuy nhiên, giữa cuối quý 3, tình hình kinh tế âm đảm do lạm phát, cắt giảm chi tiêu,

các nhà máy đang thiếu đơn hàng nghiêm trọng nên sản lượng vận chuyển qua ICD Nhơn Trạch chưa có dấu hiệu tăng trở lại.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	% so với KH năm	% so với cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,242,547.00	1,341,629,01	107.97%	114.08%
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,225,817.00	1,319,352.93	107.63%	114.40%
2. Doanh thu HĐTC	16,680.00	22,261.45	133.46%	97.65%
3. Thu nhập khác	50.00	14.63	29.25%	234.89%
II. Tổng chi phí	1,098,501.83	1,189,564.16	108.29%	114.59%
1. Giá vốn hàng bán	1,010,333.97	1,096,142.26	108.49%	114.55%
2. Chi phí bán hàng	25,000.00	32,790.16	131.16%	131.72%
3. Chi phí QLDN	60,812.16	61,823.63	101.66%	111.79%
4. Chi phí tài chính	2,105.70	(1,221.23)	-58.00%	-148.83%
5. Chi phí khác	250.00	29.34	11.74%	15.28%
III. Tổng LN trước thuế	144,045.17	152,064.85	105.57%	110.24%
IV. Thuế TNDN phải nộp	26,275.03	27,553.88	104.87%	104.17%
V. LN sau thuế	117,770.14	124,510.97	105.72%	111.68%

3. Đánh giá kết quả thực hiện

– Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt 1,341.63 tỷ đồng, bằng 107.97% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 152.06 tỷ đồng, bằng 105.57% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 124.51 tỷ đồng, bằng 105.72% kế hoạch năm.

– Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 nhất trí thông qua.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Đặc điểm tình hình

- Kinh tế Việt Nam năm 2022 vượt trội hơn so với các quốc gia khác trong khu vực nhờ vào sự phục hồi chi tiêu của người tiêu dùng, xuất khẩu tăng mạnh trong nhiều quý, hoạt động du lịch quốc tế dần trở lại. Tuy nhiên, năm 2023, những rủi ro về chính trị do xung đột giữa Nga - Ukraine vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến giá nhiên liệu, lãi suất quốc tế tăng, lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu và nhu cầu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Cơ sở hạ tầng của TCL chủ yếu đi thuê có thời hạn ngắn, do vậy, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và các chiến lược trong dài hạn của TCL và của TCT.

- Hoạt động kinh doanh tại ICD TCNT dự kiến tăng trưởng từ 15% so với năm 2022, với 380 ô điện ICD sẵn sàng tiếp nhận thêm hàng lạnh, phân đấu trong năm quý 4/2023 đưa 01 kho hàng 6750m² vào khai thác và mở rộng bãi giúp tăng năng lực sản xuất cho ICD TCNT.

- Phối hợp với đối tác mở rộng Depot TC Mỹ Thủy 2 và tích cực tìm kiếm các khu đất để mở rộng bãi chứa container và khu vực hoạt động cho công ty.

- Sản lượng container thông qua cảng Cát Lái dự kiến tăng so với năm 2022 là cơ sở để TCL xây dựng kế hoạch SXKD tăng trưởng tương ứng.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch Năm 2023	KH2023/TH2022
I	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,341,629.01	1,409,129.15	105.03%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,319,352.93	1,386,338.15	105.08%
2	Doanh thu HĐTC	22,261.45	22,775.00	102.31%
3	Thu nhập khác	14.63	16.00	109.38%
II	Tổng chi phí	1,189,564.16	1,249,423.66	105.03%
1	Giá vốn hàng bán	1,096,142.26	1,144,522.61	104.41%
2	Chi phí bán hàng	32,790.16	34,800.00	106.13%
3	Chi phí QLDN	61,823.63	67,566.06	109.29%
4	Chi phí tài chính	(1,221.23)	2,490.00	-203.89%
5	Chi phí khác	29.34	45.00	153.36%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	152,064.85	159,705.48	105.02%
IV	Thuế TNDN phải nộp	27,553.88	28,907.10	104.91%
V	Tổng lợi nhuận sau thuế	124,510.97	130,798.39	105.05%

III. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	% so với KH năm
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	64,550.00	8,208.53	12.72%
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	44,350.00	8,121.04	
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới	0.00	57.57	
2	Dự án 15 ha Tân Cảng Nhơn Trạch	35,000.00	580.39	
3	Lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI	9,350	7,211.42	

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	% so với KH năm
	tại TCNT			
4	Thi công nhà chứa máy soi Hải quan ICD TCNT		271.66	
B	Khu vực cảng Cát Lái		87.48	
5	Cont văn phòng 20' khu vực xoay đầu cont line D15		87.48	
C	Khai thác 20ha ICD/Depot tại khu vực phía nam	20,200.00	0	
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	1,800.00	1,936.80	107.6%
1	Phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS	1,800	0	
2	Máy phát điện DIESEL 750/825KVA - TCNT		955.31	
3	Mua ô tô		981.49	
III	TỔNG HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	66,350.00	10,145.33	15.29%

Năm 2022, đầu tư chỉ đạt hơn 10 tỷ đồng, bằng 15.29% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do các dự án đầu tư kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch và dự án Khai thác 20ha ICD/Depot tại khu vực phía nam (Depot TCL – Long bình) thủ tục đầu tư qua nhiều bước và phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định của TCT và của đơn vị. Công trình lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI tại TCNT, phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS đang tiếp tục thực hiện.

IV. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, MUA SẴM, SỬA CHỮA LỚN NĂM 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ, MUA SẴM, SỬA CHỮA LỚN	KẾ HOẠCH NĂM 2023
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	74,800.00
1	Dự án đầu tư 01 kho hàng và hạ tầng kỹ thuật quanh kho	30,000.00
2	Dự án Depot TCL- Long Bình	30,000.00
3	Công trình Đầu tư bãi container chuyên dụng tại TCNT	14,800.00
II	MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	4,900.00
1	Mua vành răng cho cầu Liebherr	4,900.00
III	SỬA CHỮA LỚN	4,400.00
1	Nạo vét bến TCNT	4,400.00
	TỔNG HẠNG MỤC	84,100.00

Bảng chữ: Tám mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng./.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

(Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TCL	Hợp nhất
Tài sản ngắn hạn	351,399.95	369,226.96
Tài sản dài hạn	430,856.04	447,683.37
Tổng cộng tài sản	782,255.99	816,910.33
Nợ phải trả	274,311.42	261,323.29
Nguồn vốn chủ sở hữu	507,944.57	555,587.04
Tổng cộng nguồn vốn	782,255.99	816,910.33
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1,319,352.93	1,355,069.96
2. Doanh thu hoạt động tài chính	22,261.45	8,293.52
3. Thu nhập khác	14.63	14.63
Giá vốn hàng bán	1,096,142.26	1,124,338.72
Chi phí tài chính	(1,221.23)	(1,236.19)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK		16,204.47
Chi phí bán hàng	32,790.16	33,119.76
Chi phí quản lý	61,823.63	67,756.29
Chi phí khác	29.34	51.26
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152,064.85	153,080.35
Thuế thu nhập doanh nghiệp:	27,553.88	28,234.02
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế	124,510.97	124,846.33

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Số: 02/BC - TCL - HĐQT

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	22/05/2020	
2	Ông Lê Văn Cường	TV. HĐQT (Giám đốc)	19/04/2019	
3	Ông Hoàng Đức Thịnh	TV. HĐQT không điều hành	15/06/2021	
4	Ông Ngô Ngọc Khánh	TV. HĐQT không điều hành	16/6/2022	
5	Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập HĐQT	16/6/2022	
6	Ông Võ Đắc Thiệu	TV. HĐQT không điều hành	Tái bổ nhiệm 28/4/2017	16/6/2022
7	Ông Nguyễn Xuân Bình	TV. HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm 28/4/2017	16/6/2022

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT:

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 17 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022: Các cổ đông xem phụ lục 01 đính kèm.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập (6 tháng đầu năm 2022 ông Nguyễn Xuân Bình là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ông Phạm Trung Nghị được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập thay ông Nguyễn Xuân Bình. Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên HĐQT đã phân công Thành viên độc lập HĐQT phụ trách vấn đề nhân sự, lương, thưởng của công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã rà soát lương thưởng của Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Nội dung thù lao HĐQT, Ban kiểm soát cũng được soát

xét và quyết định một cách phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia sàng lọc và lựa chọn các nhân sự Quản lý, Điều hành; tìm kiếm lựa chọn ứng viên (thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát) phù hợp với quy định của Pháp luật và chiến lược Công ty.

Trong năm 2022, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty và góp phần đem lại kết quả cho Công ty trong việc đạt vượt mức kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cá nhân, tất cả các thành viên HĐQT được đánh giá hoạt động hiệu quả, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổn phận của mình.

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2022 như sau:

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bất thường... về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cũng báo cáo, đánh giá sát thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp định kỳ mỗi quý để báo cáo Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cũng đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định và thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động; chú trọng việc quản lý, triển khai quy hoạch bến, bãi để tăng dung lượng chứa container.

Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, đơn vị được đánh giá hoạt động hiệu quả, nền tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: **Không có.**

Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Các cổ đông xem phụ lục 02 đính kèm.

6. Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	HĐQT, BGD, BKS				
		Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
A	Hội đồng quản trị					
1	Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1,312.6		84.3	1,396.8
2	Ông Lê Văn Cường	TV. HĐQT (Giám đốc)	1,116.6	60	72.2	1,248.8
3	Ông Hoàng Đức Thịnh	TV. HĐQT không điều hành		60	29.3	89.3
4	Ông Ngô Ngọc Khánh	TV. HĐQT không điều hành	110.7	30		140,8
5	Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập HĐQT		30		30
6	Ông Võ Đắc Thiệu	TV. HĐQT không điều hành		30	54.2	84.2
7	Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên độc lập HĐQT		30	54.2	84.2
B	Ban Giám đốc					
1	Ông Phạm Văn Hùng	Phó Giám đốc	786.7		48.1	834.9
2	Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	812.8		48.1	861
3	Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	797.1		40.1	837.2
4	Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	570.2		4	574.2
C	Ban Kiểm soát					
1	Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban Kiểm soát		60	29.3	89.3
2	Bà Lê Thị Kim Chung	TV BKS		30	19.6	49.6
3	Bà Nguyễn Thị Nhu	TV BKS	281.1	15	36.1	332.2
4	Ông Trần Văn Trường	TV BKS	523.6	15		538.6
D	TP. TCKT – Kế toán trưởng					
1	Phạm Thị Thu Hà	TP. TCKT – KKTT	625.1	24	36.1	685.2

II. KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu Doanh thu tăng 5%, Lợi nhuận tăng 5% so với thực hiện năm 2022 và sẽ tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực điều hành tại các khu vực hiện hữu; Gia tăng kết nối khách hàng để tăng sản lượng; tích cực bám sát, phối kết hợp với các phòng chức năng của TCT để tiếp thị khách hàng mới về sử dụng dịch vụ của công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu đẩy mạnh đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng để ổn định và phát triển lâu dài, đồng thời cần có kế hoạch phân kỳ đầu tư cụ thể để đảm bảo tính thực tế của các kế hoạch đầu tư.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế, Quy định phù hợp với quy định của Pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh

PHỤ LỤC 01: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	55 /NQ-HĐQT	14/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 4 cả năm 2021; - Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2022; - Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và cả năm 2021.
2	205 /NQ-HĐQT	13/4/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm lại người phụ trách QTCT, thư ký công ty và kiện toàn lại tổ giúp việc HĐQT; - Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; - Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn; giữa công ty với công ty mà TV HĐQT, TV BKS, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc TV HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây; - Phê duyệt đơn giá, đối tác hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng; - Thông qua điều chỉnh tăng đơn giá dịch vụ container tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy; - Thông qua danh sách chi hoa hồng; - Thông qua việc đầu tư sử dụng phần mềm quản lý và điều hành khai thác Cảng/ICD/Depot TTOS do TCIS cung cấp; - Thông qua đầu tư giàn PTI 200 ỏ cắm, 02 máy phát điện và 01 trạm biến áp 1500 KVA phục vụ khai thác hàng lạnh tại Tân Cảng Nhơn Trạch; - Thông qua Quy chế Quản lý tài chính; - Thông qua Quy chế Quản lý đầu tư; - Thông qua Quy chế Mua sắm thường xuyên; - Thông qua Quy chế phối hợp sửa chữa nhỏ (đường, bãi, kè, cầu cảng, bến sà lan, PCCC, hệ thống điện, kho hàng), đột xuất để đảm bảo sản xuất và có giá trị nhỏ, dưới 200 triệu đồng; - Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động.

3	254 /NQ-HĐQT	04/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 1 năm 2022; - Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2022; - Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và kế hoạch đầu tư quý 2 năm 2022.
4	323/NQ- HĐQT	24/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; - Thông qua phương án giải quyết tai nạn xe nâng QC15-18; - Thông qua báo cáo về việc tăng đơn giá xếp dỡ container hàng và rỗng tại ICD Tân cảng Nhơn Trạch; - Thông qua Quy chế chi hoa hồng khuyến mãi và các chính sách phục vụ công tác làm hàng tại các sở sở của Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng.
5	337/NQ-HĐQT	30/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm Phó giám đốc Công ty - Ông Phạm Văn Hùng.
6	357/NQ-HĐQT	02/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua điều chỉnh Người đại diện phần vốn góp của Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng và Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn.
7	369/NQ-HĐQT	14/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung Phiếu xin ý kiến số 230522/PYK-TCBT ngày 23/5/2022 của Người đại diện phần vốn Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty CP Tân Cảng Bến Thành.
8	371/NQ-HĐQT	16/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua đề cử Ông Phạm Trung Nghị tham gia ứng cử để bầu thành viên độc lập HĐQT thay Ông Nguyễn Xuân Bình.
9	427A/NQ-HĐQT	22/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung phiếu xin ý kiến số 220/PYK-TC128 ngày 10/6/2022 của Người đại diện phần vốn Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty Tân Cảng 128 Hải Phòng.
10	427/NQ-HĐQT	23/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung ý kiến của HĐQT Công ty về bản tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ông Lê Hoàng Linh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. - Thông qua nội dung ý kiến của HĐQT Công ty về bản tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ông Hoàng Đức Thịnh: Thành viên Hội đồng quản trị. - Thông qua nội dung ý kiến của HĐQT Công ty về bản tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ông Lê Văn Cường: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.
11	431/NQ-HĐQT	29/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung phiếu xin ý kiến số 2106/PYK-TVĐN ngày 21/6/2022 của người đại diện phần vốn Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai.

			- Thông qua nội dung phiếu xin ý kiến số 140622/PYK-CL-ESL ngày 14/6/2022 của người đại diện phần vốn Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn.
12	436A/NQ-HĐQT	01/7/2022	- Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa (kho 3.000m ²) tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch
13	468/NQ-HĐQT	19/7/2022	- Thông qua nội dung thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư giàn PTI 200 ỏ cấm phục vụ khai thác hàng lạnh tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.
14	525/NQ-HĐQT	09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022; - Thông qua kế hoạch SXKD quý 3 năm 2022; - Thông qua kết quả đầu tư quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022; - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 3 năm 2022; - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021; - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PWC Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty; - Thông qua việc đề cử ông Nguyễn Văn Hòa – Phó giám đốc công ty tham gia Ban quản trị hợp doanh nhà văn phòng thay ông Châu Thanh Hải; - Thông qua việc đề cử ông Lê Văn Cường – Giám đốc công ty tiếp tục tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn nhiệm kỳ 2022 – 2027 và đề cử bà Phạm Thị Thu Hà – Trưởng phòng Tài chính kế toán tham gia Ban kiểm soát Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn nhiệm kỳ 2022 – 2027. - Thông qua báo cáo tình hình QTCT 6 tháng đầu năm 2022; - Thông qua việc ban hành Quy chế chi hoa hồng khuyến mãi và các chính sách phục vụ công tác làm hàng tại các cơ sở của Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng; - Thông qua việc ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng đầu tư vào doanh nghiệp khác;
15	617/NQ -HĐQT	26/10/2022	-Thông qua chủ trương Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng hợp doanh với Công ty ICD TCLB để góp vốn cùng đầu tư xây dựng và khai thác Depot trên khu đất 12 ha thuộc khu Dịch vụ Tân cảng Long Bình (Khu 126 ha).
16	634/NQ-HĐQT	27/10/2022	- Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2022. - Thông qua kết quả đầu tư quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 4 năm 2022.
17	786/NQ-HĐQT	28/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc nhất trí cho Người đại diện phần vốn của TCL tại Công ty CP Tân cảng 128 Hải Phòng biểu quyết thông qua điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; - Cho ý kiến nội dung phiếu xin ý kiến số 281122/PYK-TCĐN ngày 28/11/2022 của Người đại diện phần vốn của TCL tại Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai để biểu quyết thông qua điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022; - Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn; giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây, theo nội dung tờ trình số 743/TTr-TCL ngày 20/12/2022 của Giám đốc công ty; - Thông qua việc phê duyệt đơn giá, đối tác hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng, theo tờ trình số 744/TTr -TCL ngày 20/12/2022 của Giám đốc công ty; - Thông qua tờ trình đề nghị ban hành Quy chế quản lý sử dụng Tài sản cố định; - Thông qua chủ trương và giao cho Giám đốc Công ty giải quyết tổn thất xe nâng QC15-18, theo nội dung tờ trình số 746/TTr-TCL ngày 20/12/2022 của Giám đốc Công ty; - Thông qua giao cho Giám đốc Công ty căn cứ ý kiến hướng dẫn của các cơ quan TCT đề rà soát, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 (Dự án Depot TCL – Long Bình).

PHỤ LỤC 02

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
1	<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</i>	<i>Ông Lê Hoàng Linh là TV. HĐQT</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Xếp dỡ, vận chuyển, bốc xếp, giao nhận cont; Móc cáp, lái cầu, thuê thiết bị, vận hành thiết bị.
2	<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng</i>	<i>Ông Lê Văn Cường là TV. HĐQT</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Cho thuê thiết bị
3	<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</i>	<i>Ông Lê Hoàng Linh là TV. HĐQT Ông Lê Văn Cường là TV. HĐQT</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Khai thác Depot; xếp dỡ, vận chuyển, thuê mặt bằng, thuê thiết bị...
4	<i>Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn</i>	<i>Ông Lê Văn Cường là TV. HĐQT</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Xếp dỡ, vận chuyển, Quản lý, điều hành depot, thuê thiết bị, vệ sinh và sửa chữa container...
5	<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>	<i>Ông Võ Đắc Thiệu là TV. HĐQT</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Xếp dỡ, vận chuyển
6	<i>Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước</i>	<i>Ông Lê Hoàng Linh là CT. HĐQT trong thời gian 03 năm trở lại đây.</i>	Nghị quyết số 205/NQ-HĐQT ngày 13/4/2022	Xếp dỡ, vận chuyển
7	<i>Công ty CP Tân Cảng Phú Hữu</i>	<i>Ông Ngô Ngọc Khánh là TV. HĐQT</i>	Hợp đồng ký trước khi Ông Ngô Ngọc khách được bầu là TV. HĐQT của TCL	Xếp dỡ, vận chuyển



Số: 03 /BC- TCL - BKS

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc. Ban kiểm soát công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về kết quả thực hiện công tác giám sát năm 2022 như sau:

**PHẦN 1
KẾT QUẢ KINH DOANH,
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2022****1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.****1.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty.**

Thông qua kết quả giám sát và báo cáo tài chính (báo cáo hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC Việt Nam cho thấy Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông giao với các chỉ tiêu chính như sau :

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ	301,584,360,000	301,584,360,000	100%
2	Tổng Tài Sản	887,247,802,582	816,910,328,117	92.07%
	Trong đó			
	- Tài Sản ngắn hạn	388,359,492,010	369,226,959,448	95.07%
	- Tài Sản dài hạn	498,888,310,572	447,683,368,669	89.74%
3	Tổng nguồn vốn	887,247,802,582	816,910,328,117	92.07%
	Trong đó			
	- Nợ phải trả	308,255,546,202	261,323,290,432	84.77%
	- Nguồn vốn CSH	578,992,256,380	555,587,037,685	95.96%
4	Doanh thu, thu nhập khác	1,195,782,470,864	1,363,378,113,042	114.02%
5	Lợi nhuận trước thuế	140,388,520,741	153,080,351,978	109.04%
6	Lợi nhuận sau thuế	113,470,511,353	124,846,334,304	110.03%
7	Khả năng thanh toán			
	- Nợ phải trả/ VCSH	0.53	0.47	-

	- Khả năng thanh toán hiện hành	1.57	1.84	-
	- Khả năng thanh toán nhanh	1.54	1.79	-
8	Khả năng sinh lời			
	- Tỷ suất LN sau thuế/TTS (ROA)	12.79%	15.28%	-
	- Tỷ suất LN sau thuế/VCSH (ROE)	19.60%	22.47%	-
	- Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)	9.57%	9.21%	-
*	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3,094	3,418	

Về thực hiện công tác đầu tư:

Năm 2022 đầu tư chỉ đạt hơn 10 tỷ đồng, bằng 15.29% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do các dự án đầu tư kho tại Cảng cạn Tân Cảng Nhơn Trạch và dự án Khai thác 20ha ICD/Depot tại khu vực phía Nam (Depot TCL – Long Bình) thủ tục đầu tư phức tạp, nhiều bước do phải tuân thủ nhiều quy định gồm quy định của pháp luật, quy chế, quy định của TCT và các quy chế, quy định của đơn vị. Công trình Lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI tại TCNT, Phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS đã hoàn thành tuy nhiên qua năm 2023 mới quyết toán hết.

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc và qua kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy các dự án, hạng mục đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả.

1.2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, kế hoạch kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phù hợp thực tế tình hình sản xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định.

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đạt kết quả tốt **(i)** Lợi nhuận trước thuế TCL đạt: 153.08 tỷ, **(ii)** Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2022 theo KH đề ra, **(iii)** Chi trả tiền lương, tiền thưởng cho CB CNV và thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp, với sự tham gia đầy đủ của cả 3 thành viên. Ban kiểm soát đã tập trung vào Giám sát báo cáo tài chính,

giám sát giao dịch với các bên liên quan và việc triển khai các dự án đầu tư. Kết quả giám sát cho thấy tình hình tài chính của công ty minh bạch, hiệu quả tài chính trong năm đạt ở mức cao; việc triển khai các dự án đầu tư được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định; Công ty chấp hành tốt việc kê khai và nộp Ngân sách Nhà nước; Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định; Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, thông qua giám sát cho thấy công ty đã triển khai và hoàn thành tốt các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, sử dụng vốn chủ sở hữu, thù lao và ngân sách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát hoạt động hiệu quả, các thành viên chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm, bổn phận của mình.

Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của từng thành viên Ban kiểm soát (Hội đồng quản trị đã báo cáo, vì vậy Ban kiểm soát không báo cáo lại).

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác với các Công ty có liên quan.

- Công ty không có giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó.

- Các giao dịch giữa Công ty với Công ty con và các Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua và ký kết hợp đồng bằng văn bản đảm bảo theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, khách quan, đúng quy định. Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch các bên liên quan.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

Ban kiểm soát cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực hiện tốt các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình. Hội đồng quản trị gửi tài liệu họp và mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tạo điều kiện và cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho Ban kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, giúp công việc giám sát kịp thời, hiệu quả.

- Hội đồng quản trị tích cực giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Công ty duy trì kênh liên lạc với các cổ đông thông qua việc bổ nhiệm và công khai số điện thoại của Thư ký công ty/ Người được ủy quyền công bố thông tin. Năm 2022 Công ty đạt Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất - IR Awards 2022; Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất - IR Awards 2022 (IR AWARDS là Chương trình Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất do Vietstock, Hiệp hội VAFE và Tạp chí FiLi đồng tổ chức).

PHẦN 2

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Trên cơ sở quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2023 như sau:

1. Tổ chức chỉ đạo các chương trình thẩm định báo cáo tài chính quý, năm; các quy chế, quy định nội bộ nhằm kịp thời ngăn ngừa rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty.
2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành theo quy định.
3. Giám sát giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Pháp luật.

PHẦN 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, Ban kiểm soát kiến nghị Đại Hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ngoài các kết quả đạt được trong năm 2022 Ban kiểm soát lưu ý một số nội dung cần tiếp tục tập trung thực hiện trong năm 2023 như: (1) Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư mở rộng phát triển SXKD để tăng năng lực sản xuất, phát triển bền vững phù hợp với chiến lược phát triển chung của TCT cũng như tối đa

hóa lợi nhuận cho công ty. (2) Tiếp tục quản trị các khoản đầu tư tài chính để hạn chế rủi ro. (3) Tiếp tục theo dõi và xem xét các khoản nợ phải thu khó đòi.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành các phòng chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ cổ đông giao.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Văn Phụng



Số: 04 /TTr - TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng ngày 16/6/2022;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ngày 15/6/2021.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2023 của công ty như sau:

1. Yêu cầu đối với đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, nằm trong danh sách được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Với các tiêu chí, yêu cầu như trên, Ban kiểm soát đề xuất 05 đơn vị kiểm toán đưa vào danh sách chọn như sau:

- 2.1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- 2.2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 2.3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 2.4. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
- 2.5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phê duyệt danh sách và giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Phụng



Số: 05 /TTr - TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2022; KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2023

Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 16/6/2022;
Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng;
Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH PWC Việt Nam thực hiện.

Hội đồng Quản trị đề nghị ĐHCĐ xem xét thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022		THỰC HIỆN NĂM 2022	
	%	Giá trị	%	Giá trị
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		2,249,385,364		2,249,385,364
Lợi nhuận sau thuế 2022		117,770,140,000		124,510,971,392
Lợi nhuận phân phối		117,770,140,000		124,510,971,392
- Quỹ đầu tư Phát triển	30%	35,331,042,000	30%	37,353,291,418
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25% QL	20,350,000,000	25% QL	21,356,706,292
- Quỹ thưởng BQL điều hành		700,000,000		772,000,000
- Quỹ thưởng BDH hoạt động LD		100,000,000		
- Chia cổ tức	21%	63,332,715,600	22.31%	67,278,359,046
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		205,767,764		0

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2022 ngày **15/8/2023**; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày **31/10/2023**.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023.

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
	%	Giá trị
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		0
Lợi nhuận sau thuế 2023		130,798,390,000
Lợi nhuận phân phối		130,798,390,000
- Quỹ đầu tư Phát triển	30%	39,239,520,000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25% QL	22,429,800,000
- Quỹ thưởng BQL điều hành		625,000,000
- Chia cổ tức	22.71%	68,504,070,000
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		0

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2023 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2023 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Số: 06 /TTr - TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần DL GNVT XD Tân Cảng ;
Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về việc trả thù lao cho
HĐQT và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị báo cáo thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 và
kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như sau :

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:

Năm 2022 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT,
Ban kiểm soát như sau :

- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không
chuyên trách là 360,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ : Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023

- Thù lao chi trả cho HĐQT: 240,000,000^d/năm (bao gồm 04 thành viên
không chuyên trách): 5,000,000^d/tháng.

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm Trưởng BKS, 02 thành
viên BKS): 120,000,000^d/năm

Trong đó: Trưởng ban KS: 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát:
2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng mức thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
không chuyên trách: 360,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu
đồng*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Số: 07 /TTr- TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC KÝ KẾT CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN (CÔNG TY MẸ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng ngày 16/6/2022.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn sở hữu 51%, Công ty mẹ). Thời gian thực hiện trong năm 2023 đến thời điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, chi tiết như sau:

a. Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

b. Các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Giao cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Chi tiết như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ (cổ đông lớn sở hữu 51%)	0300514849, 30/06/2010, Sở KH&ĐT TP. HCM	722 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, HCM	Hợp đồng thuê/cho thuê phương tiện, Hợp đồng cung cấp dịch vụ khai thác container, Các hợp đồng, giao dịch khác hỗ trợ cho quá trình hoạt động của công ty, ...

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh



Số: 08/TTr- TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi Điều lệ Công ty và xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mức 49%; đồng thời thông qua bản Điều lệ mới thay thế cho bản Điều lệ hiện hành

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 27 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Căn cứ Nghị quyết số 373/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua nội dung giảm ngành nghề đăng ký kinh doanh Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912) và xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 49% vốn điều lệ, Công ty đã gửi hồ sơ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) để thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là 49% vốn điều lệ, tuy nhiên UBCKNN gửi văn bản số 4486/UBCK-PTTT ngày 14/7/2022 có ý kiến như sau:

“- Ngành nghề (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - mã ngành: 5222): “*Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải.*” thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận đầu tư nước ngoài, quy định tại Mục A.20, A.21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

“*Dịch vụ hoa tiêu hàng hải*” thuộc ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Mục B.58 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, Nghị định 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ tối thiểu 75% vốn điều lệ”.

- Ngành nghề (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản ... -

mã ngành: 6810): “Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận đầu tư nước ngoài, quy định tại Mục A.7 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Căn cứ vào kết quả rà soát, UBCKNN nhận thấy tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty tại mức 49% là chưa xác định được. Trường hợp Công ty thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN tối đa tại mức 49%, UBCKNN đề nghị Công ty điều chỉnh một số ngành nghề mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận theo quy định pháp luật hiện hành và nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 155/NĐ-CP”.

Thực tế Công ty không có hoạt động kinh doanh các ngành nghề đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận như ý kiến của UBCKNN nêu như trích dẫn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty và xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mức 49%; đồng thời thông qua bản Điều lệ mới thay thế cho bản Điều lệ được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua vào ngày 16/6/2022.

Chi tiết nội dung sửa đổi quý cổ đông xem phụ lục thuyết minh dự thảo sửa đổi điều lệ đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Linh

PHỤ LỤC: THUYẾT MINH DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Sửa đổi mục 11, 12 khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ (HIỆN HÀNH)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.1	Mục 11, khoản 2 Điều 4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810) - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ cho thuê văn phòng.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Mã ngành: 6810) - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ cho thuê văn phòng. (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	Để tiếp tục làm các thủ tục, thông báo tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty tại mức 49%
1.2	Mục 12 khoản 2 Điều 4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. (Mã ngành: 5222)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. (Mã ngành: 5222) (Trừ: - Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; - Dịch vụ hoa tiêu hàng hải).	Để tiếp tục làm các thủ tục, thông báo tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty tại mức 49%

2. Sửa các điểm g9, Khoản 2 Điều 29 và điểm b Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ (HIỆN HÀNH)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
2.1	Điểm g9 Khoản 2 Điều 29	g9. Đối với hợp đồng cho thuê kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc ban hành đơn giá hoặc đơn giá với biên độ % nhất định ... để Giám đốc chủ động đàm phán, ký kết hợp đồng không quá 24 tháng và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng cho thuê (trường hợp ký kết hợp đồng trên 24 tháng thì phải được Hội đồng quản trị phê duyệt);	g9. Đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc ban hành đơn giá hoặc đơn giá với biên độ % nhất định ... để Giám đốc chủ động đàm phán, ký kết hợp đồng không quá 24 tháng và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng cho thuê (trường hợp ký kết hợp đồng trên 24 tháng thì phải được Hội đồng quản trị phê duyệt);	Sửa cho phù hợp tên gọi của hợp đồng
2.2	Điểm b Khoản 3 Điều 29	b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;	b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và quyền, nghĩa vụ bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;	Bổ sung cho rõ nghĩa

3. Bãi bỏ khoản 14 và sửa điểm b, khoản 17 Điều 31 như sau:

STT	NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ (HIỆN HÀNH)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
3.1	Khoản 14 Điều 31	Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội	Bãi bỏ	Trùng lặp nội dung với khoản 19 Điều 31

		đồng quản trị		
3.2	Điểm b khoản 17 Điều 31	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục từ i đến viii điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực.	Sửa để phù hợp với dẫn chiếu trong Điều lệ

4. Sửa điểm c Khoản 2 Điều 65 Điều lệ Công ty: bỏ nội dung "*Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát; nhân sự quản lý, điều hành của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, và kế hoạch năm; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của công ty; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành*", cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ (HIỆN HÀNH)	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
4.1	Điểm c Khoản 2 Điều 65	<p>c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn; - Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời 	<p>c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn; - Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời 	Công ty đã ban hành Quy chế Quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác (Quy chế đã quy định những nội dung Người đại diện phải xin ý kiến Công ty bằng văn bản để Công ty có ý kiến chỉ đạo trước khi Người

	<p>thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phân vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó; - Yêu cầu Người đại diện phân vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành; - Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phân vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát; nhân sự quản lý, điều hành của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, và kế hoạch năm; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của công ty; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành; - Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; - Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của 	<p>thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phân vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó; - Yêu cầu Người đại diện phân vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo Quy chế Quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng đầu tư vào doanh nghiệp khác của công ty ban hành; —Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phân vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát; nhân sự quản lý, điều hành của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, và kế hoạch năm; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của công ty; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành; - Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công 	<p>đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội cổ đông hoặc các cuộc họp của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp), nên đề nghị bỏ nội dung, tránh mâu thuẫn, chồng chéo</p>
--	--	---	--

		<p>Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó; - Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty; 	<p>ty tại doanh nghiệp đó;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định; - Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó; - Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty; 	
--	--	---	---	--

Số: /NQ – ĐHĐCĐTN.2023

Thủ Đức, ngày 15 tháng 6 năm 2023

(DỰ THẢO) NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng ngày 15/6/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023; kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023, cụ thể như sau:

1. Kết quả SXKD năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	% so với KH năm	% so với cùng kỳ
I	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,242,547.00	1,341,629,01	107.97%	114.08%
II	Tổng chi phí	1,098,501.83	1,189,564.16	108.29%	114.59%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	144,045.17	152,064.85	105.57%	110.24%
IV	Thuế TNDN phải nộp	26,275.03	27,553.88	104.87%	104.17%
V	Tổng lợi nhuận sau thuế	117,770.14	124,510.97	105.72%	111.68%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch Năm 2023	KH2023/ TH2022
I	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,341,629.01	1,409,129,15	105.03%
II	Tổng chi phí	1,189,564.16	1,249,423.66	105.03%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	152,064.85	159,705.48	105.02%
IV	Thuế TNDN phải nộp	27,553.88	28,907.10	104.91%
V	Tổng lợi nhuận sau thuế	124,510.97	130,798.39	105.05%

3. Kết quả đầu tư năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	% so với KH năm
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	64,550.00	8,208.53	12.72%
A	Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch	44,350.00	8,121.04	
1	Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới	0.00	57.57	
2	Dự án 15 ha Tân Cảng Nhơn Trạch	35,000.00	580.39	
3	Lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI tại TCNT	9,350	7,211.42	
4	Thi công nhà chứa máy soi Hải quan ICD TCNT		271.66	
B	Khu vực cảng Cát Lái		87.48	
1	Cont văn phòng 20' KV xoay đầu cont line D15		87.48	
C	Khai thác 20ha ICD/Depot tại KV phía nam	20,200.00	0	
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	1,800.00	1,936.80	107.6%
1	Phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS	1,800	0	
2	Máy phát điện DIESEL 750/825KVA - TCNT		955.31	
3	Mua ô tô		981.49	
III	TỔNG HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	66,350.00	10,145.33	15.29%

4. Kế hoạch đầu tư, mua sắm, sửa chữa lớn năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ, MUA SẮM, SỬA CHỮA LỚN	KẾ HOẠCH NĂM 2023
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	74,800.00
1	Dự án đầu tư 01 kho hàng và hạ tầng kỹ thuật quanh kho	30,000.00
2	Dự án Depot TCL- Long Bình	30,000.00
3	Công trình Đầu tư bãi container chuyên dụng tại TCNT	14,800.00
II	MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ	4,900.00
1	Mua vành răng cho cầu Liebherr	4,900.00
III	SỬA CHỮA LỚN	4,400.00
1	Nạo vét bến TCNT	4,400.00
	TỔNG HẠNG MỤC	84,100.00

Bảng chữ: Tám mươi bốn tỷ một trăm triệu đồng./.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC Việt Nam (Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng) và Báo cáo tài chính hợp nhất), cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023, cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách và giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán sau đây, giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
4. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Điều 6. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023, cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022		THỰC HIỆN NĂM 2022	
	%	Giá trị	%	Giá trị
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		2,249,385,364		2,249,385,364
Lợi nhuận sau thuế 2022		117,770,140,000		124,510,971,392
Lợi nhuận phân phối		117,770,140,000		124,510,971,392
- Quỹ đầu tư Phát triển	30%	35,331,042,000	30%	37,353,291,418
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25% QL	20,350,000,000	25% QL	21,356,706,292
- Quỹ thưởng BQL điều hành		700,000,000		772,000,000
- Quỹ thưởng BDH hoạt động LD		100,000,000		
- Chia cổ tức	21%	63,332,715,600	22.31%	67,278,359,046
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		205,767,764		0

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2022 ngày 15/8/2023; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày 31/10/2023.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023.

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
	%	Giá trị
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		0
Lợi nhuận sau thuế 2023		130,798,390,000
Lợi nhuận phân phối		130,798,390,000
- Quỹ đầu tư Phát triển	30%	39,239,520,000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25% QL	22,429,800,000
- Quỹ thưởng BQL điều hành		625,000,000
- Chia cổ tức	22.71%	68,504,070,000
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		0

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2023 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2023 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 7. Thông qua tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:

Năm 2022 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau :

- Các thành viên HĐQT : 5,000,000^d/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000^d/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000^d/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách là 360,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ : Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023

- Thù lao chi trả cho HĐQT: 240,000,000^d/năm (bao gồm 04 thành viên không chuyên trách): 5,000,000^d/tháng.

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000^d/năm

Trong đó: Trưởng ban KS: 5,000,000^d/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000^d/tháng.

Tổng cộng mức thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách: 360,000,000 đồng/năm (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Điều 8. Thông qua tờ trình đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn.

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn sở hữu 51% / Công ty mẹ). Thời gian thực hiện trong năm 2023 đến thời điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, chi tiết như sau:

a. Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

b. Các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Giao cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Chi tiết như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ (cổ đông lớn sở hữu 51%)	0300514849, 30/06/2010, Sở KH&ĐT TP. HCM	722 Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh, HCM	Hợp đồng thuê/cho thuê phương tiện, Hợp đồng cung cấp dịch vụ khai thác container, Các hợp đồng, giao dịch khác hỗ trợ cho quá trình hoạt động của công ty, ...

Điều 9. Thông qua tờ trình sửa đổi ngành nghề kinh doanh, Điều lệ Công ty và xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mức 49%; đồng thời thông qua bản Điều lệ mới thay thế cho bản Điều lệ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua vào ngày 16/6/2022.

Điều 10. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2023.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Lê Hoàng Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XÉP DỠ TÂN CẢNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **TCL.000XXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: TCL.000XXX

ABCXY

MÃU

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023; kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC Việt Nam.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Tờ trình sửa đổi ngành nghề kinh doanh, Điều lệ Công ty và xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mức 49%	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng (TCL).

Tên cổ đông:

Số đăng ký sở hữu:.....

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu:cổ phần của Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng.

Xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

Trực tiếp tham dự

Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức có tên dưới đây:

Tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền:

Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/GCN ĐKKD:

Cấp ngày Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

Hoặc ủy quyền cho : Ông Lê Hoàng Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị TCL

Nội dung ủy quyền: Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

....., ngày tháng ... năm 2023

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý:

- Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Cổ đông đánh dấu (X) xác nhận việc tham dự Đại hội vào ô tương ứng, điền đầy đủ thông tin, ký xác nhận và gửi về địa chỉ: Phòng Đầu tư pháp chế - Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng, số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; hoặc Scan gửi qua email: trangpt1@saigonnewport.com.vn **trước 16^h00 ngày 12/6/2023**. Khi tham dự đại hội phải mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về công ty).

(DỰ THẢO ĐIỀU LỆ)

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số .../NQ - ĐHCĐTN 2023 ngày 15 tháng 6 năm 2023 (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”), thay thế Điều lệ được Đại đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp Dỡ Tân Cảng thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022 kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty* là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- đ) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p) *Đơn vị trực thuộc bao gồm* Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

q) *Chi nhánh* là đơn vị phụ thuộc của công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của công ty kể cả chức năng theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty;

r) *Văn phòng đại diện* là đơn vị phụ thuộc của công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty và bảo vệ các lợi ích đó;

s) *Địa điểm kinh doanh* là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính;

t) *Công ty con* là doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó; (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

u) "*Công ty liên doanh, liên kết*" là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật, hoặc thoả thuận liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật; có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường;

Công ty liên doanh, liên kết được tổ chức dưới hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần ở trong nước và nước ngoài, các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại;

v) *Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn* là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn viết tắt TCT TCSG;

w) *Người đại diện phần vốn của Công ty* là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự được Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: TAN CANG LOGISTICS & STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TAN CANG LOGISTICS., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 470 Đường Đồng Văn Cống, khu phố 2, Phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.3 742.2234

- Fax: 028.3 742.3206

- E-mail: marketing@tancanglogistics.com.vn

- Website: <http://tancanglogistics.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi giải thể công ty trước thời hạn theo Điều 66 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thường trú tại Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì sẽ ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của

người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan với người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối theo quy định pháp luật;

c) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà Công ty đã đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm: tối đa hoá lợi nhuận của Công ty; cải thiện, nâng cao giá trị của Công ty; nâng cao thu nhập, điều kiện môi trường làm việc, và đời sống của người lao động trong Công ty; bảo đảm tốt nhất lợi ích cho các cổ đông; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng được TCT TCSG giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý tàu biển. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ lo-gi-stics. Dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	5229 (Chính)
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
4	Bốc xếp hàng hóa - Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông	5224
5	Dịch vụ đóng gói - Chi tiết: Dịch vụ kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
6	Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình dân dụng, công trình thủy lợi phục vụ cảng biển, cảng sông	4290
8	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển. Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cảng biển.	4659
9	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Môi giới	4610
10	Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ cho thuê văn phòng (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ	6810

	tầng).	
12	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p>(Trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; - Dịch vụ hoa tiêu hàng hải). 	5222
13	<p>Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới container, rơ-mooc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) 	3315
14	<p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định 	4932
15	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Mua bán container, rơ-mooc 	4669
16	<p>Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết: Cho thuê phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển 	7730
17	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
18	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ ICD: xếp dỡ hàng hóa, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi</p>	5210
19	Quảng cáo	7310
20	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ xông hơi khử trùng nông sản, diệt côn trùng, diệt chuột.</p>	8299

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty hoạt động theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 301.584.360.000 VNĐ (Ba trăm lẻ một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.158.436 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu góp vốn cụ thể như sau:

Stt	Họ tên cổ đông sáng lập	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần phổ thông		Tỷ lệ (%)
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.381.273	150.812.730.000	15.381.273	150.812.730.000	51
2	Cổ đông khác	14.777.136	147.771.360.000	14.777.136	147.771.360.000	49
TỔNG CỘNG		30.158.436	301.584.360.000	30.158.436	301.584.360.000	100

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có

thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức

Các quy định về sổ đăng ký cổ đông, việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, mua lại cổ phần, thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại các Điều từ 122 đến Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được pháp luật cho phép.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ

quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông

5. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại (Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

d1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

d2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

d3. Quyết định cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

d4. Quyết định cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

d5. Quyết định thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

o1) Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o2) Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

o3) Quyết định cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o4) Quyết định cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

o5) Quyết định thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

a) Các giao dịch quy định tại điểm q khoản 2 Điều này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội

dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký,

họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu/chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp (trừ trường hợp bất khả kháng).

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Việc họp Đại hội đồng cổ đông theo

hình thức này được tổ chức tùy theo hoàn cảnh và khả năng của Công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này (nếu có).

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 khoản 3 khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần

ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (bao gồm cả việc: Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể công ty...).

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị yêu cầu hủy bỏ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch 05 (năm) và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

g1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

g2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 1 tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g3. Phê duyệt đơn giá, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng;

g4. Từng hợp đồng cho vay có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g5. Phương án huy động vốn có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g6. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng cho thuê tài sản cố định có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g7. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng thuê tài sản có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g8. Phê duyệt đơn giá, thời gian, đối tác (và nội dung khác theo yêu cầu của HĐQT) hợp đồng thuê, cho thuê có thời hạn trên 12 (mười hai) tháng và các hợp đồng thuê, cho thuê quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê tài sản gắn trên đất hoặc hạ tầng cơ sở có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

g9. Đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc ban hành đơn giá hoặc đơn giá với biên độ % nhất định ... để Giám đốc chủ động đàm phán, ký kết hợp đồng không quá 24 tháng và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng (trường hợp ký kết hợp đồng trên 24 tháng thì phải được Hội đồng quản trị phê duyệt);

g10. Đối với cho thuê văn phòng tại tòa nhà TCL Building của hợp doanh thực hiện theo quy định của hợp doanh. (Hội đồng quản trị giao Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất với đối tác hợp doanh và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp gần nhất, trong trường hợp này không áp dụng hạn chế giá trị hợp đồng cho thuê);

g11. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác gồm: các phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Đề xuất cơ cấu, mô hình tổ chức quản lý của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; thực hiện cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại các công ty đó, thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát, chỉ đạo, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Đình chỉ quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc đề hạn chế tổn thất;

t) Được sử dụng tài sản, dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và quyền, nghĩa vụ bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;

c) Biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trường hợp có chênh lệch tăng, giảm từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đã được phê duyệt, thông qua (trừ giá nguyên, nhiên, vật liệu do nhà nước thống nhất quản lý như giá điện, nước, xăng, dầu ...);

d) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của công ty tại các doanh nghiệp khác.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của không quá 02 công ty khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;

g) Giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

h) Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị;

i) Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;

j) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu tạm dừng những quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định xử lý đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu tạm dừng, và chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của công ty quy định (nếu có).

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành Hội đồng quản trị công ty trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 13 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 48 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được

tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức như quy định tại khoản này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản họp theo quy định tại khoản 16 Điều này.

15. Lây ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lây ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Cụ thể:

a) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii. Thời gian, địa điểm họp;
- iii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục từ i đến viii điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

17. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

18. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, ban kiểm toán nội bộ quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại khoản 5 điều 162 Luật Doanh nghiệp.

5. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

6. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Bao gồm thay mặt công ty chủ động đàm phán, quyết định và ký kết các giao dịch, hợp đồng đảm bảo hiệu quả cho công ty trên cơ sở triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo những thông lệ tốt nhất; ban hành các nội quy, quy định, định mức nội bộ phục vụ quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh công ty hoặc Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ.

b) Được quyền quyết định và chịu trách nhiệm các triển khai các kế hoạch hợp đồng, giao dịch sau:

b1. Các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sản xuất kinh doanh thường xuyên có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng, trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ phù hợp với biểu giá đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua thì Giám đốc công ty được quyền quyết định vượt mức này;

b2. Từng phương án huy động vốn có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng. Đối với hợp đồng huy động vốn với các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua;

b3. Thuê tài sản, cho thuê tài sản cố định trong thời hạn không quá 12 tháng và có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng (trừ các hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất, hạ tầng cơ sở);

b4. Thực hiện ký kết các hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng thuê, cho thuê kho, bãi, cơ sở hạ tầng và dịch vụ liên quan có thời hạn không quá 12 tháng, có giá trị đến 02 (hai) tỷ đồng và các hợp đồng đồng thuê, cho thuê kho, bãi, cơ sở hạ tầng có giá dịch vụ, chi phí phù hợp theo biểu giá đã được Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua;

b5. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới (01) tỷ đồng.

c) Giám đốc tổ chức thực hiện, ký kết hợp đồng theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của công ty các nội dung quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 17 và điểm g Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này sau khi kế hoạch năm, kế hoạch quý và hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt, không phải trình Hội đồng quản trị thông qua. Trường hợp phát sinh vượt mức hoặc ngoài danh mục dự án đầu tư, xây dựng, kế hoạch mua, bán tài sản cố định đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt hằng năm, hằng quý thì Giám đốc quyết định theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này, trường hợp mức vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị quyết định. Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

d) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận;

đ) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, ngân sách hằng năm và biểu giá dịch vụ, định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hằng năm.

e) Giám đốc công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của Giám đốc;

Khi thực hiện ủy quyền Giám đốc công ty phải báo cáo và gửi kèm văn bản ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát theo dõi. Nội dung, phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức công ty, ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung quy chế quản lý nội bộ của công ty;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh điều hành trong công ty; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và của TCT TCSG;

i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, những người quy định tại điểm h khoản này và những người thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị;

j) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; tuyển dụng lao động, ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động và khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế công ty và của TCT TCSG;

k) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc quyền quản lý trong công ty;

m) Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị về những nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị nghiệp vụ công ty kiểm tra, giám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của các công ty con, công ty có cổ phần, vốn góp của công ty, hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định và báo cáo Hội đồng quản trị.

o) Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

Trường hợp Giám đốc và những người quản lý khác nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chưa phù hợp thì Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản nhưng vẫn phải có trách nhiệm thực thi. Ý kiến bảo lưu được xem xét miễn trừ trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có).

Trong trường hợp Giám đốc công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt tạm thời giải quyết một số công việc thuộc quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị tán thành (nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì không được biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của công ty hoặc TCT TCSG;

b) Do sức khỏe không đảm bảo công tác;

c) Nghi hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng

Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, TCT TCSG;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc là lao động hợp đồng.

Điều 37. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất ban hành

5. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 38. Thư ký Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý Công ty theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của công ty;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ công ty.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được quyền yêu cầu trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được tiếp cận trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

đ) Trình tự, thủ tục trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

đ1) Những người quy tại điểm c khoản 4 Điều này bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền, yêu cầu được trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

đ2) Tại trụ sở chính, trong giờ làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt đồng ý hay không đồng ý vào văn bản yêu cầu và chuyển cho Thư ký Hội đồng quản trị là người có trách nhiệm cung cấp trích lục theo phê duyệt.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty

nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 27 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để Ban Kiểm soát lập báo cáo trình lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết;

đ) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin, tài liệu khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên

vào cùng thời điểm và theo phương thức như được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty

đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng,

không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng

quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể công ty và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc công ty (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với Người lao động, và các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền tuyển dụng, ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người lao động theo nhu cầu hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ phù hợp và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần theo Quy chế tuyển dụng, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Điều 52. Tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp lương của người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của Người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 53. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Người lao động được hưởng và đảm bảo chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ này, nội quy kỷ luật lao động hợp pháp của công ty đã đăng ký tại Cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế nội bộ khác của công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp

đến nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc công ty thực hiện xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy kỷ luật lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính

năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

4. Tuân thủ các kế hoạch thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 62. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu chính thức, số lượng dấu của công ty là 01 (một) dấu được khắc theo quy định của luật pháp; và hình thức, nội dung, quản lý, sử dụng dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty;

2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 64. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

2. Các đơn vị phụ thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của công ty. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty quy định trong Điều lệ này, quy chế của công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị phụ thuộc do Giám đốc trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị phụ thuộc.

3. Văn phòng đại diện của công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp

1. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là Chủ sở hữu công ty con do công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc được Đại hội đồng cổ đông công ty chấp thuận.

Thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được quy định tại điều lệ này đối với công ty con:

a) Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b) Phê duyệt Điều lệ công ty con khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty con. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty con;

đ) Quyết định hoặc phê duyệt thông qua:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, mua tài sản cố định, hợp đồng thuê, cho thuê có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định hợp đồng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm thực hiện phương án hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

e) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty con;

g) Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý điều hành khác của công ty con sau khi được công ty chấp thuận;

h) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của công ty con;

i) Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo tài chính quý, năm, kế hoạch tài chính chi tiết năm tiếp theo và cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

j) Giám sát, kiểm tra, kiểm toán và đánh giá các hoạt động kinh doanh sản xuất, quản lý điều hành, chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con;

k) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con sau khi công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản theo quy định pháp luật hiện hành;

l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;

m) Trách nhiệm:

- Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con;

- Tuân thủ điều lệ công ty con;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty con và công ty;

- Xác định và tách bạch tài sản của công ty và tài sản của công ty con;

n) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó (gọi tắt là doanh nghiệp):

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp đó;

b) Trực tiếp quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) Người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp đó;

c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;

- Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo Quy chế Quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng đầu tư vào doanh nghiệp khác;

- Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó;

- Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;

d) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của công ty.

3. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác (công ty liên doanh, liên kết):

Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp của công ty bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại doanh nghiệp đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch, hợp đồng: mua, bán, thuê, cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa của công ty với các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp khác được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do

Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn góp do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 66. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 67. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII mục, 70 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Cường

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
Điều 6. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
Điều 12. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 14. Quyền của cổ đông	10
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Thay đổi các quyền	17
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 35. Người điều hành Công ty	37
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	37
Điều 37. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc	41

Điều 38. Thư ký Công ty	41
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc	42
Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan.....	42
IX. BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	44
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát.....	44
Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát.....	45
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	45
Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	46
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	47
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	47
Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng	47
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	47
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	48
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	49
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	49
XII. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG; CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	50
Điều 51. Lao động và tuyển dụng lao động.....	50
Điều 52. Tiền lương.....	50
Điều 53. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động.....	50
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn	51
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 55. Phân phối lợi nhuận	51
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 56. Tài khoản ngân hàng.....	52
Điều 57. Năm tài chính.....	52
Điều 58. Chế độ kế toán	52
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	52
Điều 60. Báo cáo thường niên	53
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	53
Điều 61. Kiểm toán.....	53
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	53
Điều 62. Dấu của Công ty.....	53
XVIII. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY	54
Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty	54
Điều 64. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc.....	54
Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp	54
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	58
Điều 66. Giải thể công ty.....	58
Điều 67. Thanh lý	58
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	59
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ	59
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	59
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này	59
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	59
Điều 70. Ngày hiệu lực.....	59

CTY CP ĐẠI LÝ GNVN XD TÂN CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
so với cùng kỳ năm trước trên BCTC kiểm toán
năm 2022.

Kính gửi : UBCK Nhà nước ;
Sở GDCK TP Hồ Chí Minh ;
Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết.

1. Tên tổ chức phát hành : **Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng**
2. Tên giao dịch : **Tancang Logistics**
3. Mã chứng khoán niêm yết : **TCL**
4. Nội dung : Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước trên BCTC kiểm toán năm 2022 tăng 11.68%

Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, chi tiết như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán năm 2022 : **124.51** tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán năm 2021 : **111.49** tỷ đồng
+ **Chênh lệch tăng** : **13.02** tỷ đồng

Nguyên nhân tăng chủ yếu do:

Trong năm 2022, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 1,319.35 tỷ đồng tăng 166.12 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ 14.40%) so với năm 2021. Giá vốn dịch vụ cung cấp đạt 1,096.14 tỷ đồng, tăng 140.01 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ 14.64%) so với năm 2021. Chi phí tài chính giảm 2.04 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ giảm 48.83%) so với cùng kỳ. Làm cho Lợi nhuận trước thuế tăng 14.12 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ 10.24%) so cùng kỳ năm trước, đồng thời làm cho Lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng 13.02 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ tăng 11.68%) so với cùng kỳ năm 2021.

Vậy Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng làm văn bản giải trình để UBCK Nhà nước; Sở GDCK TP HCM; Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết được biết.

Trân trọng kính chào ! *Xtuc*

Nơi nhận :

- Như trên .
- Lưu VT, P.TC-KT



GIÁM ĐỐC *Wc*

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao
Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
DN: C=VN, S=MST:0304875444, L="470 Đường Đồng Văn Cống, Phường Thanh Mỹ Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", O=Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, OU="Cố BH.HQDT", CN=Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, E=Anhdt@saigonnewport.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.28 14:41:42+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304875444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 3 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 8 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Trung Nghi	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Võ Đắc Thiệu	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Ban Giám Đốc

Ông Lê Văn Cường	Giám đốc
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2022)
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên
Ông Trần Văn Trường	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Nhu	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Văn Cường	Giám đốc
------------------	----------

Trụ sở chính

Số 470, Đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 49. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Văn Cường
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2022 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)




Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền


Nguyễn Đức Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4595-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13327
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		351.399.948.379	368.758.534.760
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	88.575.025.881	25.601.182.616
111	Tiền		22.075.025.881	7.601.182.616
112	Các khoản tương đương tiền		66.500.000.000	18.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		92.000.000.000	118.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	92.000.000.000	118.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		161.409.065.444	216.238.291.318
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	138.226.234.430	213.505.984.561
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		837.061.874	292.097.235
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	22.482.955.809	2.577.396.191
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(137.186.669)	(137.186.669)
140	Hàng tồn kho		9.348.121.893	7.039.432.145
141	Hàng tồn kho	7	9.348.121.893	7.039.432.145
150	Tài sản ngắn hạn khác		67.735.161	1.879.628.681
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	67.735.161	59.245.000
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	1.820.383.681
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		430.856.043.997	471.150.765.021
210	Khoản phải thu dài hạn		2.330.000.000	21.682.134.400
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.330.000.000	21.682.134.400
220	Tài sản cố định		268.522.572.459	292.109.073.362
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	245.058.956.303	267.939.784.546
222	Nguyên giá		819.452.993.042	817.182.010.227
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(574.394.036.739)	(549.242.225.681)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	23.463.616.156	24.169.288.816
228	Nguyên giá		28.571.911.391	28.571.911.391
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.108.295.235)	(4.402.622.575)
240	Tài sản dở dang dài hạn		9.121.194.393	2.518.730.741
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.121.194.393	2.518.730.741
250	Đầu tư tài chính dài hạn		140.164.941.519	137.707.526.413
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	21.440.000.000	21.440.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	97.120.000.000	97.120.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	26.479.480.000	26.479.480.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(4.874.538.481)	(7.331.953.587)
260	Tài sản dài hạn khác		10.717.335.626	17.133.300.105
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	10.717.335.626	17.133.300.105
270	TỔNG TÀI SẢN		782.255.992.376	839.909.299.781

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		274.311.424.747	308.273.566.052
310	Nợ ngắn hạn		212.057.209.991	246.944.639.296
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	107.529.474.998	165.309.681.934
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		45.473.216	479.652.030
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	11.379.712.368	11.446.737.729
314	Phải trả người lao động	13	23.707.651.881	23.418.528.535
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	19.835.176.586	4.059.946.890
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	30.438.690.206	28.669.043.879
320	Vay ngắn hạn	16(a)	7.249.712.000	7.249.712.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	11.871.318.736	6.311.336.299
330	Nợ dài hạn		62.254.214.756	61.328.926.756
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	45.943.090.504	37.768.090.504
338	Vay dài hạn	16(b)	16.311.124.252	23.560.836.252
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		507.944.567.629	531.635.733.729
410	Vốn chủ sở hữu		507.944.567.629	531.635.733.729
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	301.584.360.000	301.584.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		301.584.360.000	301.584.360.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	20.712.126.338	20.712.126.338
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	117.697.722.245	80.344.430.827
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	67.950.359.046	128.994.816.564
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		2.249.385.364	71.091.822.666
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay		65.700.973.682	57.902.993.898
440	TỔNG NGUỒN VỐN		782.255.992.376	839.909.299.781



Nguyễn Xuân Tân
Người lập





Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.319.352.930.810	1.153.230.883.922
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	21 1.319.352.930.810	1.153.230.883.922
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	22 (1.096.142.256.914)	(956.134.002.384)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	223.210.673.896	197.096.881.538
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23 22.261.451.640	22.798.166.445
22	Chi phí tài chính	24 1.221.228.318	(820.556.253)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24 (1.236.186.788)	(1.532.404.369)
25	Chi phí bán hàng	25 (32.790.160.499)	(24.893.116.127)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (61.823.629.210)	(56.051.767.428)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	152.079.564.145	138.129.608.175
31	Thu nhập khác	14.627.472	6.227.287
32	Chi phí khác	(29.342.697)	(192.019.871)
40	Lỗi khác	(14.715.225)	(185.792.584)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.064.848.920	137.943.815.591
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	27 (27.553.877.528)	(26.450.032.954)
52	Thuế TNDN hoãn lại	27 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	124.510.971.392	111.493.782.637

Xtaw

Nguyễn Xuân Tân
Người lập

VH

Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



lunp

Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	152.064.848.920	137.943.815.591
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	24.524.432.361	25.675.933.878
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(2.457.415.106)	(711.869.678)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(45.085)	21.562
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(22.261.406.555)	(22.759.794.627)
06	Chi phí lãi vay	1.236.186.788	1.532.404.369
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	153.106.601.323	141.680.511.095
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	77.193.992.572	(154.096.681.239)
10	Tăng hàng tồn kho	(2.308.689.748)	(1.526.781.145)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(30.490.276.053)	12.943.095.714
12	Giảm chi phí trả trước	6.942.510.682	13.609.151.871
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.280.199.445)	(1.549.224.695)
15	Thuế TNDN đã nộp	(31.489.508.828)	(22.823.793.830)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	35.000.000	139.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(15.911.723.855)	(25.004.938.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	155.797.706.648	(36.629.660.629)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(9.441.084.363)	(1.537.078.636)
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	(67.000.000.000)	(31.400.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	93.000.000.000	85.800.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cổ tức được chia	22.402.209.295	26.645.466.880
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	38.961.124.932	87.508.388.244
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(124.535.321.400)	(73.417.795.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(131.785.033.400)	(80.667.507.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	62.973.798.180	(29.788.779.385)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm 3	25.601.182.616	55.389.983.563
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	45.085	(21.562)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 3	88.575.025.881	25.601.182.616

Xtaw

Nguyễn Xuân Tân
Người lập

Me

Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



lun

Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304875444 ngày 8 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 8 tháng 3 năm 2021.

Ngày 11 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch cổ phiếu là “TCL”.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và các cổ đông khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 18(b).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 295 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 301 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con và 3 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b) – Đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2022		31.12.2021	
			Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty con Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Dịch vụ cảng biển	Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.	51	51	51	51
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Dịch vụ cảng biển	Số 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	36	36	36	36
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Thành phố Hải Phòng.	36	36	36	36
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Dịch vụ cảng biển	Số 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	20	20	20	20

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là những công ty mà Nhóm công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các Khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

(a) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập cơ sở kinh doanh mới. Các bên có nghĩa vụ, được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong BCC, và thực hiện hoạt động của BCC cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Nếu BCC quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên chịu, thì Công ty phải ghi nhận khoản chi phí đó. Đối với các khoản chi phí chung, Công ty căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để ghi nhận.

(b) Đối với BCC chia LNST

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)****(b) Đối với BCC chia LNST (tiếp theo)**

Hoặc là:

Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Khác	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh riêng lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo riêng.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thường ban điều hành và ban điều hành hoạt động liên doanh

Quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thường ban điều hành và ban điều hành hoạt động liên doanh được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 9); và
- Dự phòng giảm giá đầu tư (Thuyết minh 2.8 và 4(b)).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	81.430.010	33.314.023
Tiền gửi ngân hàng	21.993.595.871	7.567.868.593
Các khoản tương đương tiền (*)	66.500.000.000	18.000.000.000
	<u>88.575.025.881</u>	<u>25.601.182.616</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 5,35%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,3%/năm đến 3,5%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	92.000.000.000	92.000.000.000	118.000.000.000	118.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và được hưởng lãi suất cố định từ 5,7%/năm đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 4,75%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
i. Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (i)	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
	21.440.000.000	(*)	21.440.000.000	(*)
ii. Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (ii)	97.120.000.000	(4.874.538.481)	97.120.000.000	(7.331.953.587)
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng (iii)	54.000.000.000	(*)	54.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn (iv)	33.120.000.000	(*)	33.120.000.000	(*)
	10.000.000.000	(*)	10.000.000.000	(*)
iii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (v)	26.479.480.000	-	26.479.480.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (vi)	14.666.980.000	46.017.485.100	14.666.980.000	64.810.215.200
	11.812.500.000	31.061.250.000	11.812.500.000	41.456.250.000
	145.039.480.000		145.039.480.000	(7.331.953.587)
			(4.874.538.481)	

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3603266982, thay đổi lần thứ 2 ngày 2 tháng 1 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 2.295.200 cổ phiếu tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai.
- (ii) Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 5.400.000 cổ phiếu tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành.
- (iii) Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200870931, thay đổi lần thứ 5 ngày 1 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 3.312.000 cổ phiếu tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng.
- (iv) Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0314745980 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 1.000.000 cổ phiếu tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn.
- (v) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 2.691.081 cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.242.568 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của ngày giao dịch gần nhất tại ngày báo cáo tài chính riêng.
- (vi) Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 3 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 1.237.500 cổ phiếu tương đương 3,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của ngày giao dịch gần nhất tại ngày báo cáo tài chính riêng.
- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	35.267.428.028	24.448.106.543
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	102.958.806.402	189.057.878.018
	<u>138.226.234.430</u>	<u>213.505.984.561</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 137.186.669 Đồng và 137.186.669 Đồng.

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Đặt cọc tiền thuê đất (*)	17.121.134.400	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	2.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi Tạm ứng	1.487.531.507 753.785.610	1.628.334.247 461.607.206
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi hộ (Thuyết minh 30(b))	366.103.800	-
Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	375.000.000	375.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi (Thuyết minh 30(b))	231.000.000	-
Ký quỹ, ký cược Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Chi hộ (Thuyết minh 30(b))	15.000.000 -	10.000.000 11.250.000
Khác	133.400.492	91.204.738
	<u>22.482.955.809</u>	<u>2.577.396.191</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	2.000.000.000	2.000.000.000
Đặt cọc tiền thuê đất (*)	300.000.000	17.421.134.400
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi (Thuyết minh 30(b))	-	231.000.000
	<u>2.330.000.000</u>	<u>21.682.134.400</u>

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản đặt cọc tiền thuê đất như sau:

- Đặt cọc tiền để thuê bãi của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang theo hợp đồng số 72/TCL-KHKD-2020 ngày 2 tháng 1 năm 2020 với số tiền là 15 tỷ Đồng. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2023, thời hạn hoàn trả tiền cọc sau khi thanh lý hợp đồng.
- Đặt cọc thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinaconnect số tiền là 2.121.134.400 Đồng, tương ứng với 3 tháng tiền thuê đất để sử dụng đất hợp pháp với lô đất A1 đường K1, KCN Cát Lái – Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 3 năm, từ ngày 21 tháng 4 năm 2020 đến 21 tháng 4 năm 2023. Khoản đặt cọc sẽ được căn trừ vào tiền thuê của 6 tháng cuối cùng của hợp đồng.
- Đặt cọc tiền thuê bãi chứa container và đầu tư bến sà lan từ Bà Bùi Thị Nở và Ông Nguyễn Văn Hợp theo hợp đồng số 301/HĐ-KD ngày 6 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 300 triệu Đồng. Thời hạn thuê là 15 năm và không được hủy ngang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.348.121.893	-	7.039.432.145	-

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí sử dụng phần mềm Base	67.735.161	59.245.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	4.479.545.416	8.959.090.876
Chi phí sửa chữa Tân Cảng Nhơn Trạch	3.481.927.167	2.875.720.550
Chi phí thuê đất Depot Tân Cảng Mỹ Thủy	1.330.376.941	2.926.829.269
Chi phí sửa chữa Depot Tân Cảng Mỹ Thủy	607.129.499	613.015.746
Chi phí sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị nhà văn phòng TCL	593.668.210	1.292.583.899
Chi phí sửa chữa bến đóng gạo	224.688.393	466.059.765
	<u>10.717.335.626</u>	<u>17.133.300.105</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	17.133.300.105	30.801.696.976
Tăng	1.870.646.343	2.452.110.858
Chuyển sang từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	535.036.364	-
Phân bổ trong năm	(8.821.647.186)	(16.120.507.729)
Số dư cuối năm	<u>10.717.335.626</u>	<u>17.133.300.105</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	261.188.623.805	541.590.437.956	9.400.148.238	2.937.544.599	2.065.255.629	817.182.010.227
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	401.809.074	884.548.000	899.227.273	37.000.000	81.000.000	2.303.584.347
Giảm khác	(32.601.532)	-	-	-	-	(32.601.532)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	261.557.831.347	542.474.985.956	10.299.375.511	2.974.544.599	2.146.255.629	819.452.993.042
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	96.300.568.838	441.731.369.134	7.676.626.073	2.642.585.096	891.076.540	549.242.225.681
Khấu hao trong năm	10.865.968.704	13.193.765.741	575.819.425	223.407.062	292.850.126	25.151.811.058
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	107.166.537.542	454.925.134.875	8.252.445.498	2.865.992.158	1.183.926.666	574.394.036.739
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	164.888.054.967	99.859.068.822	1.723.522.165	294.959.503	1.174.179.089	267.939.784.546
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	154.391.293.805	87.549.851.081	2.046.930.013	108.552.441	962.328.963	245.058.956.303

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 73.059.633.970 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 74.895.303.170 Đồng) (Thuyết minh 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 209.607.370.722 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 196.438.280.901 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.991.682.391	580.229.000	28.571.911.391
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.822.393.575	580.229.000	4.402.622.575
Khấu hao trong năm	705.672.660	-	705.672.660
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.528.066.235	580.229.000	5.108.295.235
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	24.169.288.816	-	24.169.288.816
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	23.463.616.156	-	23.463.616.156

(*) Là quyền sử dụng đất của thửa đất Số 471 tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 vào ngày 18 tháng 7 năm 2016, có thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055. Quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 580.229.000 Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án đầu tư Giàn PTI 200 ở cảng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	6.676.937.408	-
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.592.743.923	1.592.743.923
Khác	851.513.062	925.986.818
	<u>9.121.194.393</u>	<u>2.518.730.741</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.518.730.741	2.102.947.105
Mua sắm	9.441.084.363	1.537.078.636
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(2.303.584.347)	(1.121.295.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 8(b))	(535.036.364)	-
Số dư cuối năm	<u>9.121.194.393</u>	<u>2.518.730.741</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn	1.866.672.734	1.866.672.734	5.781.148.362	5.781.148.362
Công ty Cổ phần Hàng Hải Phú Mỹ	1.382.347.404	1.382.347.404	1.943.131.300	1.943.131.300
Công ty TNHH Tincons	311.397.840	311.397.840	2.624.694.700	2.624.694.700
Maersk Line A/S	-	-	1.903.982.775	1.903.982.775
Khác	11.840.979.220	11.840.979.220	17.542.190.461	17.542.190.461
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	92.128.077.800	92.128.077.800	135.514.534.336	135.514.534.336
	<u>107.529.474.998</u>	<u>107.529.474.998</u>	<u>165.309.681.934</u>	<u>165.309.681.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	1.820.383.681	97.818.613.750	-	(99.638.997.431)	-
(b) Phải nộp					
Thuế TNDN	10.048.968.419	27.553.877.528	(27.961.566.003)	-	9.641.279.944
Thuế TNDN nộp hộ bên liên doanh	1.181.715.138	3.400.700.702	(3.527.942.825)	-	1.054.473.015
Thuế thu nhập cá nhân	158.652.944	6.744.939.980	(6.357.368.083)	-	546.224.841
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.092.067	180.472.145	(226.564.212)	-	-
Thuế GTGT bán hàng nội địa	11.309.161	120.283.977.032	(20.518.554.194)	(99.638.997.431)	137.734.568
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	<u>11.446.737.729</u>	<u>158.166.967.387</u>	<u>(58.594.995.317)</u>	<u>(99.638.997.431)</u>	<u>11.379.712.368</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư cuối kỳ thể hiện số tiền lương còn phải trả cho người lao động.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	19.362.594.186	3.543.351.833
Chi phí thuê bến bãi, văn phòng	472.582.400	472.582.400
Chi phí lãi vay phải trả	-	44.012.657
	<u>19.835.176.586</u>	<u>4.059.946.890</u>

Trong đó:

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	2.716.682.073	2.178.014.037
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	17.118.494.513	1.881.932.853
	<u>19.835.176.586</u>	<u>4.059.946.890</u>

15 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng - Phải trả từ hợp tác kinh doanh (i)	5.653.824.986	4.138.019.888
Cổ tức phải trả	5.077.872.990	2.947.763.190
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	653.883.613	768.949.705
Kinh phí công đoàn	539.374.007	393.563.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh (iii)	58.244.191	646.937.416
Khác	2.090.257.414	1.386.633.305
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (ii)		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	6.000.000.000
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	10.799.042.243	7.399.222.938
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (ii)		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	1.500.000.000
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	2.699.760.553	1.849.805.733
- Thu hộ	537.454.800	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Phải trả từ hợp tác kinh doanh (iii)	2.328.975.409	1.638.148.064
	<u>30.438.690.206</u>	<u>28.669.043.879</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh (iii)	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	5.193.090.504	4.518.090.504
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Vốn góp hợp tác kinh doanh (iii)	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Vốn góp hợp tác kinh doanh (ii)	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai - Vốn góp hợp tác kinh doanh (ii)	1.500.000.000	-
	<u>45.943.090.504</u>	<u>37.768.090.504</u>

15 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 399/HĐ-TCL-KHKĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu ONE và KMTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 2 bên tham gia gồm: Công ty (Bên B) và Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng (Bên A). Trong đó, Bên A là bên đại diện hợp doanh, Bên B là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh và được trả phí. Tổng vốn hoạt động là 1.500.000.000 Đồng, trong đó, Bên A góp 1.125.000.000 Đồng (75%), Bên B góp 375.000.000 Đồng (25%). Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại Bên A phần phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ phần trăm tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ). Thời hạn hợp đồng đến ngày 1 tháng 10 năm 2021 sẽ tự động gia hạn nếu không có điều chỉnh, bổ sung trước ngày hết hạn hợp đồng. Trong năm, doanh thu và chi phí Công ty được chia từ hợp tác kinh doanh này lần lượt là 12.414.448.860 Đồng và 5.106.451.285 Đồng (Năm 2021: 8.053.577.545 Đồng và 3.772.903.503 Đồng).
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 372/TCL-KHKD-2017 ngày 1 tháng 7 năm 2017, Biên bản thỏa thuận số 4 ngày 29 tháng 4 năm 2021, Biên bản thỏa thuận số 5 ngày 1 tháng 7 năm 2022 về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 Đồng tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 Đồng tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 Đồng, tương đương 10%. Công ty là bên đại diện hợp doanh. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi. Thời hạn thuê bãi là từ 1 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 6 năm 2024.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm. Trong năm, doanh thu và chi phí Công ty đã chia lại cho các bên tham gia hợp tác kinh doanh này lần lượt là 7.690.021.796 Đồng và 5.248.026.122 Đồng (Năm 2021: 7.412.574.769 Đồng và 5.698.599.112 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

16 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>7.249.712.000</u>	<u>-</u>	<u>(7.249.712.000)</u>	<u>7.249.712.000</u>	<u>7.249.712.000</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng dài hạn (*)	<u>23.560.836.252</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(7.249.712.000)</u>	<u>16.311.124.252</u>

(*) Số dư thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 1 năm 2018, để đầu tư dự án: “Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc” tại Lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn khoản vay đến ngày 27 tháng 3 năm 2026. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình hình thành trên đất tại thửa đất Số 471, Tờ bản đồ số 22, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là từ 8,69%/năm đến 8,7%/năm.

17 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.982.698.941	3.778.637.358	550.000.000	6.311.336.299
Tăng trong năm (*)	10.678.353.146	10.678.353.146	80.000.000	21.436.706.292
Tăng khác (**)	35.000.000	-	-	35.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(8.649.000.000)</u>	<u>(6.632.723.855)</u>	<u>(630.000.000)</u>	<u>(15.911.723.855)</u>
	<u>4.047.052.087</u>	<u>7.824.266.649</u>	<u>-</u>	<u>11.871.318.736</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 373/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 25% của quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động. Công ty cũng đã trích bổ sung quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền là 80.000.000 Đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết trên.

(**) Là khoản tiền khen thưởng từ đơn vị khác.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>15.381.273</u>	<u>51</u>	<u>15.381.273</u>	<u>51</u>
Các cổ đông khác	<u>14.777.163</u>	<u>49</u>	<u>14.777.163</u>	<u>49</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>30.158.436</u>	<u>100</u>	<u>30.158.436</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>30.158.436</u>	<u>301.584.360.000</u>	<u>301.584.360.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	301.584.360.000	20.712.126.338	46.896.296.036	221.884.002.666	591.076.785.040
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	111.493.782.637	111.493.782.637
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(150.792.180.000)	(150.792.180.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	-	33.448.134.791	(53.490.788.739)	(20.042.653.948)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	301.584.360.000	20.712.126.338	80.344.430.827	128.994.816.564	531.635.733.729
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	124.510.971.392	124.510.971.392
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước (*)	-	-	-	(126.665.431.200)	(126.665.431.200)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm (Thuyết minh 17) (*)	-	-	37.353.291.418	(58.709.997.710)	(21.356.706.292)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước (Thuyết minh 17)	-	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	301.584.360.000	20.712.126.338	117.697.722.245	67.950.359.046	507.944.567.629

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 373/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 126.665.431.200 Đồng, tương ứng với 42% vốn góp của chủ sở hữu. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thực hiện chi trả 124.535.321.400 Đồng cho khoản cổ tức này.

Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 37.353.291.418 Đồng, tương ứng với 30% lợi nhuận sau thuế trong năm 2022. Công ty cũng trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm với số tiền là 100.000.000 Đồng.

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 65,34 USD.

(b) Thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể trả/thu trong tương lai theo hợp đồng thuê/cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 31.

21 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu dịch vụ tại Depot	894.919.213.902	766.900.008.683
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ ngoài Depot	328.873.970.370	307.765.701.159
Doanh thu dịch vụ khác	95.559.746.538	78.565.174.080
	<u>1.319.352.930.810</u>	<u>1.153.230.883.922</u>
Các khoản giảm trừ	<u>-</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần dịch vụ tại Depot	894.919.213.902	766.900.008.683
Doanh thu thuần dịch vụ vận tải, xếp dỡ ngoài Depot	328.873.970.370	307.765.701.159
Doanh thu thuần dịch vụ khác	95.559.746.538	78.565.174.080
	<u>1.319.352.930.810</u>	<u>1.153.230.883.922</u>

22 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	930.594.448.283	802.097.543.790
Chi phí nhân công	64.045.191.712	59.065.294.146
Chi phí nguyên vật liệu	56.701.299.802	43.677.822.122
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.252.307.147	26.342.656.639
Khác	19.549.009.970	24.950.685.687
	<u>1.096.142.256.914</u>	<u>956.134.002.384</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia	16.970.000.000	15.520.580.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.291.406.555	7.239.214.627
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	45.085	-
Lãi thuần từ bán các khoản đầu tư dài hạn khác	-	38.371.818
	<u>22.261.451.640</u>	<u>22.798.166.445</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền vay	1.236.186.788	1.532.404.369
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2.457.415.106)	(711.869.678)
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	21.562
	<u>(1.221.228.318)</u>	<u>820.556.253</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí hoa hồng	27.518.348.947	19.265.805.127
Chi phí hội thảo quảng cáo	3.566.935.552	2.528.940.000
Khác	1.704.876.000	3.098.371.000
	<u>32.790.160.499</u>	<u>24.893.116.127</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	34.366.669.867	31.114.105.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.478.110.531	7.481.119.781
Chi phí đồ dùng văn phòng	806.158.612	2.154.377.804
Chi phí khấu hao TSCĐ	556.701.977	787.425.089
Khác	18.615.988.223	14.514.739.531
	<u>61.823.629.210</u>	<u>56.051.767.428</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	152.064.848.920	137.943.815.591
Thuế tính ở thuế suất 20%	30.412.969.784	27.588.763.118
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.394.000.000)	(3.104.116.000)
Chi phí không được khấu trừ	821.555.828	803.402.631
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại năm trước	(286.648.084)	708.673.111
Dự phòng thiếu các năm trước	-	453.310.094
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>27.553.877.528</u>	<u>26.450.032.954</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	27.553.877.528	26.450.032.954
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>27.553.877.528</u>	<u>26.450.032.954</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.774.537.885	834.919.024.346
Chi phí nhân công	98.411.861.579	90.179.399.369
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.701.299.802	43.677.822.122
Chi phí khấu hao TSCĐ (*)	24.524.432.361	25.675.933.878
Khác	54.343.914.996	42.626.706.224
	<u>1.190.756.046.623</u>	<u>1.037.078.885.939</u>

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí khấu hao TSCĐ:

	2022 VND	2021 VND
Tổng khấu hao đã trích trong năm (Thuyết minh 9)	25.857.483.718	27.139.588.392
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.333.051.357)	(1.463.654.514)
Chi phí khấu hao của Công ty	<u>24.524.432.361</u>	<u>25.675.933.878</u>

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (“Công ty mẹ”) là cổ đông lớn nhất của Công ty do nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty (Thuyết minh 18).

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 4.

Chi tiết của các bên liên quan chính có số dư và giao dịch trong năm với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Mekong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng tập đoàn

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	721.807.466.046	690.931.132.222
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	5.292.361.707	2.372.632.143
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng ĐồngNai	4.524.665.382	2.129.892.557
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.297.591.414	2.867.047.672
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.148.992.000	3.148.992.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	2.970.230.821	2.522.325.181
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.349.662.977	2.631.666.419
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.020.399.517	762.465.376
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	515.321.132	379.594.544
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	504.524.546	332.613.698
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	360.472.000	4.735.577.325
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	304.036.393	311.004.122
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	81.914.588	156.554.582
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	28.583.333	15.163.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Cảng	16.348.821	6.654.545
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	3.866.000
	746.222.570.677	713.307.182.022

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	282.375.944.602	146.921.943.748
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	261.757.836.154	263.281.125.762
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	76.230.477.868	58.460.990.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	35.955.836.008	27.349.043.299
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	35.007.717.933	30.084.176.260
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	14.830.007.475	11.435.894.024
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	10.594.514.800	9.805.481.700
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	1.144.980.435	1.981.502.642
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.359.344.000	1.210.821.100
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	588.014.800	6.083.206.366
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	307.021.573	216.727.279
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	260.331.000	1.694.043.963
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	254.938.000	41.994.454
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	141.196.000	251.218.000
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	127.371.683	62.032.728
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	89.161.200	111.429.456
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	78.508.183	70.892.955
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	5.185.186	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	2.860.545
	<u>721.108.386.900</u>	<u>559.065.384.781</u>
iii) Chia cổ tức		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>64.599.369.912</u>	<u>76.906.365.000</u>
iv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	13.500.000.000	11.880.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	2.970.000.000	2.722.500.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	918.080.000
	<u>16.970.000.000</u>	<u>15.520.580.000</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Chia doanh thu hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	<u>4.623.256.095</u>	<u>4.442.407.543</u>
vi) Chia chi phí hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	<u>3.177.839.108</u>	<u>3.419.159.490</u>
vii) Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	10.799.042.243	7.379.222.938
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	<u>2.699.760.553</u>	<u>1.849.805.733</u>
	<u>13.498.802.796</u>	<u>9.229.028.671</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng quản trị		
Ông Lê Hoàng Linh	1.396.816.389	1.133.994.999
Ông Lê Văn Cường	1.248.807.616	1.059.669.442
Ông Ngô Ngọc Khánh	140.749.659	-
Ông Hoàng Đức Thịnh	89.331.476	30.000.000
Ông Võ Đắc Thiệu	84.150.417	105.306.160
Ông Nguyễn Xuân Bình	84.150.417	105.306.160
Ông Nguyễn Văn Uẩn	33.091.922	254.985.149
Ông Phạm Trung Nghị	30.000.000	-
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Trường	538.594.187	-
Bà Nguyễn Thị Nhu	332.254.944	609.144.397
Ông Phạm Văn Phụng	89.331.476	30.000.000
Bà Lê Thị Kim Chung	49.554.317	15.000.000
Bà Vũ Thị Lan Anh	24.818.942	75.306.160
Bà Phạm Kim Oanh	16.545.961	45.204.107
Ban Giám đốc		
Ông Đặng Thanh Sơn	861.004.874	801.376.389
Ông Châu Thanh Hải	837.233.099	445.538.195
Ông Phạm Văn Hùng	834.873.250	864.033.923
Bà Phạm Thị Thu Hà	685.233.684	613.120.211
Ông Nguyễn Văn Hòa	574.226.844	6.978.505
	<u>7.950.769.474</u>	<u>6.194.963.797</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	99.898.778.699	184.524.688.094
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.224.152.321	928.373.129
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	850.227.840	1.600.442.837
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	367.726.422	301.245.575
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	304.877.200	102.491.066
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	142.655.000	238.513.231
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	73.928.160	55.440.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	54.097.200	98.144.872
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	42.363.560	132.268.007
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	-	157.400.040
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	913.401.167
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	1.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	4.270.000
	<u>102.958.806.402</u>	<u>189.057.878.018</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	366.103.800	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	11.250.000
	<u>597.103.800</u>	<u>11.250.000</u>
iii) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	-	231.000.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	49.134.840.954	82.699.963.649
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	21.753.629.134	10.432.276.573
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	9.483.298.399	6.224.919.547
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	6.121.917.835	26.134.333.931
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	2.911.973.652	2.183.314.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.521.721.715	7.271.464.486
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	185.968.838	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	14.727.273	15.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	239.405.500
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	297.818.360
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	-	8.712.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	-	7.326.290
	<u>92.128.077.800</u>	<u>135.514.534.336</u>
v) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	8.376.115.400	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	8.269.796.713	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	472.582.400	1.881.932.853
	<u>8.742.379.113</u>	<u>1.881.932.853</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15(a))		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	10.799.042.243	13.399.222.938
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	3.237.215.353	3.349.805.733
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.328.975.409	1.638.148.064
	<u>16.365.233.005</u>	<u>18.387.176.735</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
vii) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 15(b))		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	20.750.000.000	20.750.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	1.500.000.000	-
	<u>28.250.000.000</u>	<u>20.750.000.000</u>

31 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Công ty là bên đi thuê

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	193.092.480.291	208.092.874.250
Từ 1 đến 5 năm	82.507.550.751	97.985.966.740
Trên 5 năm	6.471.036.000	5.933.268.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>282.071.067.042</u>	<u>312.012.108.990</u>

(b) Công ty là bên cho thuê

Công ty đã ký các hợp đồng cho thuê hoạt động, theo đó khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	74.440.262.968	74.194.470.160
Từ 1 đến 5 năm	25.100.116.378	21.408.503.772
Trên 5 năm	26.418.939.000	22.280.290.000
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	<u>125.959.318.346</u>	<u>117.883.263.932</u>

CTY CP ĐẠI LÝ GNVN XD TÂN CẢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
so với cùng kỳ năm trước trên BCTC kiểm toán
hợp nhất năm 2022.

Kính gửi : UBCK Nhà nước ;
Sở GDCK TP Hồ Chí Minh ;
Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết.

1. Tên tổ chức phát hành : **Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng**
2. Tên giao dịch : **Tancang Logistics**
3. Mã chứng khoán niêm yết : **TCL**
4. Nội dung : Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022 tăng 10.03%.

Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022, chi tiết như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán HN năm 2022	: 124.85 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán HN năm 2021	: 113.47 tỷ đồng
+ Chênh lệch tăng	: 11.38 tỷ đồng

Nguyên nhân chênh lệch do:

Tại thời điểm ghi nhận số liệu KQKD trong Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 là số liệu hợp nhất công ty mẹ có điều chỉnh việc ghi nhận KQKD của công ty con và các công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ dẫn tới Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2022 đạt 1,355.07 tỷ đồng tăng 14.28% so cùng kỳ năm trước, Giá vốn dịch vụ cung cấp đạt 1,124.34 tỷ đồng tăng 14.48% so với cùng kỳ, làm cho LNST tăng so với cùng kỳ năm trước 11.38 tỷ đồng tương đương tỷ lệ 10.03%.

Vậy Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân cảng làm văn bản giải trình để UBCK Nhà nước; Sở GDCK TP HCM; Phòng Thẩm định và Quản lý Niêm yết được biết.

Trân trọng kính chào *Kstue*

Nơi nhận :

- Như trên .
- Lưu VT, P.TC-KT



GIÁM ĐỐC *W*

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



Công Ty Cổ Phần Đại Lý
Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ
Tân Cảng

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
DN: C=VN, S=MST:0304875444, L="470 Đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ
Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", O=Công Ty Cổ Phần
Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, OU="Cố BH,HQDT", CN=Công Ty Cổ
Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, E=Anhdt@saigonnewport.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.28 14:41:08+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304875444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 3 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 8 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Võ Đắc Thiệu	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Ban Giám Đốc

Ông Lê Văn Cường	Giám đốc
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2022)
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên
Ông Trần Văn Trường	Thành viên (từ ngày 16 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Nhu	Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Văn Cường	Giám đốc
------------------	----------

Trụ sở chính

Số 470, Đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 51. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Văn Cường
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2022 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Anh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Đức Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4595-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13328
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 01 – DN/HN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		369.226.959.448	388.359.492.010
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	91.143.459.284	31.210.708.945
111	Tiền		23.843.459.284	12.346.565.829
112	Các khoản tương đương tiền		67.300.000.000	18.864.143.116
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		92.000.000.000	118.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	92.000.000.000	118.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		174.603.348.927	228.175.024.699
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	142.668.631.525	217.910.951.439
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		957.615.865	343.336.235
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	31.372.838.206	10.316.473.694
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(395.736.669)	(395.736.669)
140	Hàng tồn kho		9.348.121.893	7.113.032.145
141	Hàng tồn kho	7	9.348.121.893	7.113.032.145
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.132.029.344	3.860.726.221
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	2.132.029.344	2.040.342.540
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(a)	-	1.820.383.681
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		447.683.368.669	498.888.310.572
210	Khoản phải thu dài hạn		2.335.000.000	21.974.320.400
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.335.000.000	21.974.320.400
220	Tài sản cố định		283.595.908.176	316.132.883.399
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	260.132.292.020	291.963.594.583
222	Nguyên giá		884.789.995.306	882.519.012.491
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(624.657.703.286)	(590.555.417.908)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	23.463.616.156	24.169.288.816
228	Nguyên giá		28.571.911.391	28.571.911.391
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.108.295.235)	(4.402.622.575)
240	Tài sản dở dang dài hạn		9.121.194.393	2.518.730.741
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.121.194.393	2.518.730.741
250	Đầu tư tài chính dài hạn		141.743.031.019	139.538.563.139
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	115.263.551.019	113.059.083.139
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	26.479.480.000	26.479.480.000
260	Tài sản dài hạn khác		10.888.235.081	18.723.812.893
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	10.888.235.081	18.723.812.893
270	TỔNG TÀI SẢN		816.910.328.117	887.247.802.582


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		261.323.290.432	308.255.546.202
310	Nợ ngắn hạn		200.783.539.676	246.926.619.446
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	97.597.572.488	166.687.824.439
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		45.473.216	479.652.030
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	11.853.955.759	11.713.637.196
314	Phải trả người lao động	13	24.690.303.795	24.363.360.714
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	19.835.176.586	4.059.946.890
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	27.507.258.964	26.018.797.253
320	Vay ngắn hạn	16(a)	7.249.712.000	7.249.712.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	12.004.086.868	6.353.688.924
330	Nợ dài hạn		60.539.750.756	61.328.926.756
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	44.228.626.504	37.768.090.504
338	Vay dài hạn	16(b)	16.311.124.252	23.560.836.252
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		555.587.037.685	578.992.256.380
410	Vốn chủ sở hữu		555.587.037.685	578.992.256.380
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	301.584.360.000	301.584.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		301.584.360.000	301.584.360.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	20.712.126.338	20.712.126.338
414	Vốn khác của chủ sở hữu	19	1.512.000.000	1.512.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	117.878.265.220	80.494.967.370
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	91.330.786.960	152.383.337.924
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		25.637.906.724	92.541.964.903
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay		65.692.880.236	59.841.373.021
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		22.569.499.167	22.305.464.748
440	TỔNG NGUỒN VỐN		816.910.328.117	887.247.802.582


Nguyễn Xuân Tân
Người lập


Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.355.069.962.137	1.185.725.670.210
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.355.069.962.137	1.185.725.670.210
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(1.124.338.723.325)	(982.133.344.119)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	230.731.238.812	203.592.326.091
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.293.523.433	10.033.965.647
22	Chi phí tài chính	(1.236.186.788)	(1.532.425.931)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.236.186.788)	(1.532.404.369)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	16.204.467.880	15.458.005.164
25	Chi phí bán hàng	(33.119.763.998)	(25.203.609.627)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(67.756.292.658)	(61.761.400.289)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	153.116.986.681	140.586.861.055
31	Thu nhập khác	14.627.472	22.835.007
32	Chi phí khác	(51.262.175)	(221.175.321)
40	Lỗ khác	(36.634.703)	(198.340.314)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	153.080.351.978	140.388.520.741
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(28.234.017.674)	(26.918.009.388)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	124.846.334.304	113.470.511.353
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	124.558.088.483	113.456.462.745
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	288.245.821	14.048.608
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.418	3.094
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.418	3.094

Xtave

Nguyễn Xuân Tân
Người lập

VH

Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Umb

Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	153.080.351.978	140.388.520.741
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	33.474.906.681	34.626.408.198
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(45.085)	21.562
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(24.497.946.228)	(9.995.593.829)
06	Chi phí lãi vay	1.236.186.788	1.532.404.369
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	163.293.454.134	166.551.761.041
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	76.797.591.845	(153.210.818.348)
10	Tăng hàng tồn kho	(2.235.089.748)	(1.600.381.145)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(44.128.427.703)	2.697.117.502
12	Giảm chi phí trả trước	7.743.891.008	15.996.445.093
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.280.199.445)	(1.549.224.695)
15	Thuế TNDN đã nộp	(31.489.508.828)	(23.300.692.680)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	35.000.000	139.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(15.850.723.855)	(25.030.672.568)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	152.885.987.408	(19.307.465.800)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(9.441.084.363)	(1.537.078.636)
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	(67.000.000.000)	(31.400.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	93.000.000.000	85.800.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cổ tức được chia	22.427.955.609	13.876.767.803
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	38.986.871.246	74.739.689.167
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(124.690.441.400)	(74.587.675.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(131.940.153.400)	(81.837.387.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	59.932.705.254	(26.405.163.633)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	31.210.708.945	57.615.894.140
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	45.085	(21.562)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	91.143.459.284	31.210.708.945

X. Tân

Nguyễn Xuân Tân
Người lập

Phạm Thị Thu Hà

Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Cường
Lê Văn Cường
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304875444 ngày 8 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 8 tháng 3 năm 2021.

Ngày 11 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch cổ phiếu là “TCL”.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và các cổ đông khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 18(b).

Hoạt động chính của Công ty và công ty con (“Nhóm công ty”) là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm công ty có 375 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 383 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty có 1 công ty con và 3 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b) – Đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

Công ty con	Tên công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	2022		2021	
				Tỷ lệ % biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
	Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Dịch vụ cảng biển	Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.	51	51	51	51
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Dịch vụ cảng biển	Số 1295B, Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	36	36	36	36
	Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Thành phố Hải Phòng.	36	36	36	36
	Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	Dịch vụ cảng biển	Số 938/180, Đường Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	20	20	20	20

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Nhóm công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết, Nhóm công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm công ty với bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm công ty trong bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Nhóm công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

(a) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập cơ sở kinh doanh mới. Các bên có nghĩa vụ, được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong BCC, và thực hiện hoạt động của BCC cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Nếu BCC quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên chịu, thì Nhóm công ty phải ghi nhận khoản chi phí đó. Đối với các khoản chi phí chung, Nhóm công ty căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để ghi nhận.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)

(b) Đối với BCC chia LNST

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Nhóm công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Nhóm công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong năm.

Hoặc là:

Nếu Nhóm công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Nhóm công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Khác	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

LNST chưa phân phối của Nhóm công ty phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Nhóm công ty tại thời điểm báo cáo hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Nhóm công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác của Nhóm công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thường ban điều hành và ban điều hành hoạt động liên doanh

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường ban điều hành và ban điều hành hoạt động liên doanh được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm công ty.

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng Nhóm công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc công ty, Ban Kiểm soát, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và 9); và
- Dự phòng giảm giá đầu tư (Thuyết minh 2.9 và 4(b)).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	446.065.596	218.690.663
Tiền gửi ngân hàng	23.397.393.688	12.127.875.166
Các khoản tương đương tiền (*)	67.300.000.000	18.864.143.116
	<u>91.143.459.284</u>	<u>31.210.708.945</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 5,35%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3%/năm đến 3,5%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>92.000.000.000</u>	<u>92.000.000.000</u>	<u>118.000.000.000</u>	<u>118.000.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và được hưởng lãi suất cố định từ 5,7%/năm đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 4,75%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XEP DỜ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022			2021		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND
i. Đầu tư vào công ty liên kết (*)	115.263.551.019		-	113.059.083.139		-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (i)	77.707.521.133	(**)	-	76.384.212.090	(**)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng (ii)	28.245.461.519	(**)	-	25.788.046.414	(**)	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn (iii)	9.310.568.367	(**)	-	10.886.824.635	(**)	-
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.479.480.000		-	26.479.480.000		-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iv)	14.666.980.000	46.017.485.100	-	14.666.980.000	64.810.215.200	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (v)	11.812.500.000	31.061.250.000	-	11.812.500.000	41.456.250.000	-
	141.743.031.019		-	139.538.563.139		-

(i) Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty nắm giữ 5.400.000 cổ phiếu tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành.

(ii) Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200870931, thay đổi lần thứ 5 ngày 1 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty nắm giữ 3.312.000 cổ phiếu tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng.

(iii) Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0314745980 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty nắm giữ 1.000.000 cổ phiếu tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XEP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(iv) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 2.691.081 cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.242.568 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của ngày giao dịch gần nhất tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 3 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty nắm giữ 1.237.500 cổ phiếu tương đương 3,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của ngày giao dịch gần nhất tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	1.1.2022 VND	Phần lãi/(lỗ) của Nhóm Công ty trong kết quả kinh doanh của các công ty liên kết VND	Cổ tức đã nhận trong năm VND	31.12.2022 VND
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	76.384.212.090	14.823.309.043	(13.500.000.000)	77.707.521.133
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	25.788.046.414	2.457.415.105	-	28.245.461.519
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn (iii)	10.886.824.635	(1.076.256.268)	(500.000.000)	9.310.568.367
	<u>113.059.083.139</u>	<u>16.204.467.880</u>	<u>(14.000.000.000)</u>	<u>115.263.551.019</u>

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	39.709.825.123	27.579.233.421
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	102.958.806.402	190.331.718.018
	<u>142.668.631.525</u>	<u>217.910.951.439</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 395.736.669 Đồng và 395.736.669 Đồng.

6 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Đặt cọc tiền thuê đất (*)	17.121.134.400	-
Tạm ứng	5.484.322.481	4.003.150.077
Phải thu người lao động	2.447.223.370	3.358.391.249
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	2.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.493.856.986	1.632.832.526
Thu chi hộ	750.317.222	526.988.332
Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	375.000.000	375.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi hộ (Thuyết minh 31(b))	366.103.800	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi (Thuyết minh 31(b))	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Chi hộ (Thuyết minh 31(b))	-	11.250.000
Khác	1.103.879.947	408.861.510
	<u>31.372.838.206</u>	<u>10.316.473.694</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	2.000.000.000	2.000.000.000
Đặt cọc tiền thuê đất (*)	300.000.000	17.421.134.400
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	30.000.000
Ký quỹ	5.000.000	292.186.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi (Thuyết minh 31(b))	-	231.000.000
	<u>2.335.000.000</u>	<u>21.974.320.400</u>

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản đặt cọc tiền thuê đất như sau:

- Đặt cọc tiền để thuê bãi của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang theo hợp đồng số 72/TCL-KHKD-2020 ngày 2 tháng 1 năm 2020 với số tiền là 15 tỷ Đồng. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2023, thời hạn hoàn trả tiền cọc sau khi thanh lý hợp đồng.
- Đặt cọc thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinaconnect số tiền là 2.121.134.400 Đồng, tương ứng với 3 tháng tiền thuê đất để sử dụng đất hợp pháp với lô đất A1 đường K1, KCN Cát Lái – Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 3 năm, từ ngày 21 tháng 4 năm 2020 đến 21 tháng 4 năm 2023. Khoản đặt cọc sẽ được căn trừ vào tiền thuê của 6 tháng cuối cùng của hợp đồng.
- Đặt cọc tiền thuê bãi chứa container và đầu tư bến sà lan từ Bà Bùi Thị Nở và Ông Nguyễn Văn Hợp theo hợp đồng số 301/HĐ-KD ngày 6 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 300 triệu Đồng. Thời hạn thuê là 15 năm và không được hủy ngang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.348.121.893	-	7.113.032.145	-

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ	1.017.555.690	1.292.553.127
Chi phí bảo hiểm	314.973.520	324.997.558
Phí sử dụng đường bộ	197.822.791	245.401.561
Chi phí khác	601.677.343	177.390.294
	<u>2.132.029.344</u>	<u>2.040.342.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	4.479.545.416	8.959.090.876
Chi phí sửa chữa Tân Cảng Nhơn Trạch	3.481.927.167	2.875.720.550
Chi phí thuê đất Depot Tân Cảng Mỹ Thủy	1.330.376.941	2.926.829.269
Chi phí sửa chữa Depot Tân Cảng Mỹ Thủy	607.129.499	613.015.746
Chi phí sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị nhà văn phòng TCL	593.668.210	1.292.583.899
Chi phí sửa chữa bến đóng gạo	224.688.393	466.059.765
Công cụ, dụng cụ	170.899.455	1.590.512.788
	<u>10.888.235.081</u>	<u>18.723.812.893</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	18.723.812.893	34.030.863.051
Tăng	2.042.006.343	2.452.110.858
Chuyển sang từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	535.036.364	-
Phân bổ trong năm	(10.412.620.519)	(17.759.161.016)
Số dư cuối năm	<u>10.888.235.081</u>	<u>18.723.812.893</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	261.188.623.805	557.971.067.501	58.292.884.593	3.001.180.963	2.065.255.629	882.519.012.491
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	401.809.074	884.548.000	899.227.273	37.000.000	81.000.000	2.303.584.347
Giảm khác	(32.601.532)	-	-	-	-	(32.601.532)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	261.557.831.347	558.855.615.501	59.192.111.866	3.038.180.963	2.146.255.629	884.789.995.306
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	96.300.568.838	452.719.680.187	37.961.513.547	2.682.578.796	891.076.540	590.555.417.908
Khấu hao trong năm	10.865.968.704	15.300.002.561	7.412.102.377	231.361.610	292.850.126	34.102.285.378
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	107.166.537.542	468.019.682.748	45.373.615.924	2.913.940.406	1.183.926.666	624.657.703.286
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	164.888.054.967	105.251.387.314	20.331.371.046	318.602.167	1.174.179.089	291.963.594.583
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	154.391.293.805	90.835.932.753	13.818.495.942	124.240.557	962.328.963	260.132.292.020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Nhóm công ty với tổng giá trị còn lại là 73.059.633.970 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 74.895.303.170 Đồng) (Thuyết minh 16(b)).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 209.607.370.722 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 196.438.280.901 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.991.682.391	580.229.000	28.571.911.391
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.822.393.575	580.229.000	4.402.622.575
Khấu hao trong năm	705.672.660	-	705.672.660
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.528.066.235	580.229.000	5.108.295.235
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	24.169.288.816	-	24.169.288.816
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	23.463.616.156	-	23.463.616.156

(*) Là quyền sử dụng đất của thửa đất Số 471 tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 vào ngày 18 tháng 7 năm 2016, có thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055. Quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 580.229.000 Đồng.

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án đầu tư Giàn PTI 200 ỏ cắm tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	6.676.937.408	-
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.592.743.923	1.592.743.923
Khác	851.513.062	925.986.818
	<u>9.121.194.393</u>	<u>2.518.730.741</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.518.730.741	2.102.947.105
Mua sắm	9.441.084.363	1.537.078.636
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(2.303.584.347)	(1.121.295.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 8(b))	(535.036.364)	-
Số dư cuối năm	<u>9.121.194.393</u>	<u>2.518.730.741</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	25.516.482.341	25.516.482.341	36.376.349.404	36.376.349.404
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	72.081.090.147	72.081.090.147	130.311.475.035	130.311.475.035
	<u>97.597.572.488</u>	<u>97.597.572.488</u>	<u>166.687.824.439</u>	<u>166.687.824.439</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nợ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	1.820.383.681	103.896.447.530	-	(105.716.831.211)	-
(b) Phải nộp					
Thuế TNDN	10.048.968.419	28.234.017.674	(28.641.706.143)	-	9.641.279.950
Thuế TNDN nộp hộ bên liên doanh	1.181.715.138	2.720.560.562	(2.847.802.685)	-	1.054.473.015
Thuế thu nhập cá nhân	296.244.653	6.988.527.700	(6.729.131.886)	-	555.640.467
Thuế GTGT bán hàng nội địa	140.616.919	128.307.823.973	(22.129.047.354)	(105.716.831.211)	602.562.327
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.092.067	180.472.145	(226.564.212)	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	11.713.637.196	166.437.402.054	(60.580.252.280)	(105.716.831.211)	11.853.955.759

15 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm. Trong kỳ, doanh thu và chi phí Công ty đã chia lại cho các bên tham gia hợp tác kinh doanh này lần lượt là 7.690.021.796 Đồng và 5.248.026.122 Đồng (Năm 2021: 7.412.574.769 Đồng và 5.698.599.112 Đồng).

16 VAY**(a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	7.249.712.000	-	(7.249.712.000)	7.249.712.000	7.249.712.000

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng dài hạn (*)	23.560.836.252	-	-	(7.249.712.000)	16.311.124.252

- (*) Số dư thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 1 năm 2018, để đầu tư dự án: “Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc” tại Lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn khoản vay đến ngày 27 tháng 3 năm 2026. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình hình thành trên đất tại thửa đất Số 471, Tờ bản đồ số 22, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là từ 8,69%/năm đến 8,7%/năm.

15 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh (iii)	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	4.978.626.504	4.518.090.504
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Vốn góp hợp tác kinh doanh (iii)	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Vốn góp hợp tác kinh doanh (ii)	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
	<u>44.228.626.504</u>	<u>37.768.090.504</u>

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 399/HĐ-TCL-KHKĐ ngày 1 tháng 10 năm 2020 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu ONE và KMTTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 2 bên tham gia gồm: Công ty (Bên B) và Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng (Bên A). Trong đó, Bên A là bên đại diện hợp doanh, Bên B là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh và được trả phí. Tổng vốn hoạt động là 1.500.000.000 Đồng, trong đó, Bên A góp 1.125.000.000 Đồng (75%), Bên B góp 375.000.000 Đồng (25%). Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại Bên A phần phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ phần trăm tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ). Thời hạn hợp đồng đến ngày 1 tháng 10 năm 2021 sẽ tự động gia hạn nếu không có điều chỉnh, bổ sung trước ngày hết hạn hợp đồng. Trong năm, doanh thu và chi phí Nhóm công ty được chia từ hợp tác kinh doanh này lần lượt là 12.414.448.860 Đồng và 5.106.451.285 Đồng (Năm 2021: 8.053.577.545 Đồng và 3.772.903.503 Đồng).
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 372/TCL-KHKD-2017 ngày 1 tháng 7 năm 2017, Biên bản thỏa thuận số 4 ngày 29 tháng 4 năm 2021, Biên bản thỏa thuận số 5 ngày 1 tháng 7 năm 2022 về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 Đồng tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 Đồng tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 Đồng, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi. Thời hạn thuê bãi là từ 1 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 6 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư cuối kỳ thể hiện số tiền lương còn phải trả cho người lao động.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	19.362.594.186	3.543.351.833
Chi phí thuê bến bãi, văn phòng	472.582.400	472.582.400
Chi phí lãi vay phải trả	-	44.012.657
	<u>19.835.176.586</u>	<u>4.059.946.890</u>

Trong đó:

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	2.716.682.073	2.178.014.037
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	17.118.494.513	1.881.932.853
	<u>19.835.176.586</u>	<u>4.059.946.890</u>

15 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng - Phải trả từ hợp tác kinh doanh (i)	5.653.824.986	4.138.019.888
Cổ tức phải trả	5.077.872.990	3.102.883.190
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	653.883.613	768.949.705
Kinh phí công đoàn	589.731.402	786.785.259
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh (iii)	58.244.191	646.937.416
Khác	2.345.684.130	1.537.850.793
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (ii)		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	6.000.000.000
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	10.799.042.243	7.399.222.938
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Phải trả từ hợp tác kinh doanh (iii)	2.328.975.409	1.638.148.064
	<u>27.507.258.964</u>	<u>26.018.797.253</u>

17 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.025.051.566	3.778.637.358	550.000.000	6.353.688.924
Tăng trong năm (*)	10.707.768.653	10.678.353.146	80.000.000	21.466.121.799
Tăng khác (**)	35.000.000	-	-	35.000.000
Chi quỹ trong năm	(8.588.000.000)	(6.632.723.855)	(630.000.000)	(15.850.723.855)
	<u>4.179.820.219</u>	<u>7.824.266.649</u>	<u>-</u>	<u>12.004.086.868</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 373/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 25% của quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động. Nhóm công ty cũng đã trích bổ sung quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành với số tiền là 80.000.000 Đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết trên.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 27 tháng 6 năm 2022, công ty con đã tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2022

(**) Là khoản tiền khen thưởng từ đơn vị khác.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>	<u>30.158.436</u>	<u>-</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.381.273	51	15.381.273	51
Các cổ đông khác	14.777.163	49	14.777.163	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>30.158.436</u>	<u>100</u>	<u>30.158.436</u>	<u>100</u>

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	30.158.436	301.584.360.000	301.584.360.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Nhóm công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	47.045.370.117	243.322.238.500	23.183.837.682	637.359.932.637
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	113.456.462.745	14.048.608	113.470.511.353
Chia cổ tức	-	-	-	-	(150.792.180.000)	(881.920.000)	(151.674.100.000)
Trích lập các quỹ Công ty mẹ	-	-	-	33.448.134.791	(53.490.788.739)	-	(20.042.653.948)
Trích lập các quỹ Công ty con	-	-	-	1.462.462	(2.193.693)	(702.431)	(1.433.662)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh Công ty mẹ	-	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh Công ty con	-	-	-	-	(10.200.889)	(9.799.111)	(20.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	80.494.967.370	152.383.337.924	22.305.464.748	578.992.256.380
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	124.558.088.483	288.245.821	124.846.334.304
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước của Công ty mẹ (*)	-	-	-	-	(126.665.431.200)	-	(126.665.431.200)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm của Công ty mẹ (Thuyết minh 17) (*)	-	-	-	37.353.291.418	(58.709.997.710)	-	(21.356.706.292)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm của Công ty con (Thuyết minh 17) (**)	-	-	-	30.006.432	(45.009.648)	(14.412.281)	(29.415.507)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm của Công ty mẹ (*)	-	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Trích thường Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm của Công ty con (**)	-	-	-	-	(10.200.889)	(9.799.111)	(20.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước của Công ty mẹ (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(80.000.000)	-	(80.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	117.878.265.220	91.330.786.960	22.569.499.167	555.587.037.685

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 373/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 126.665.431.200 Đồng, tương ứng với 42% vốn góp của chủ sở hữu. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thực hiện chi trả 124.690.441.400 Đồng của khoản cổ tức này.

Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 37.353.291.418 Đồng, tương ứng với 30% lợi nhuận sau thuế trong năm 2022. Nhóm công ty cũng trích thưởng Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm với số tiền là 100.000.000 Đồng.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐTN 2022 ngày 27 tháng 6 năm 2022, công ty con đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 30.006.432 Đồng, tương ứng với 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2022. Công ty con cũng trích thưởng Ban điều hành hoạt động liên doanh từ lợi nhuận trong năm với số tiền là 10.200.889 Đồng.

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	124.558.088.483	113.456.462.745
Điều chỉnh giảm số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND):		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty mẹ	(21.356.706.292)	(20.042.653.948)
Trích quỹ khen thưởng của Công ty con	(15.003.216)	(731.231)
Trích thưởng Ban điều hành hoạt động liên doanh của Công ty mẹ	(100.000.000)	(100.000.000)
Trích thưởng Ban điều hành hoạt động liên doanh của Công ty con	(10.200.889)	(10.200.889)
	103.076.178.086	93.302.876.677
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.158.436	30.158.436
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	3.418	3.094

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Nhóm công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 65,34 USD.

(b) Thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể trả/thu trong tương lai theo hợp đồng thuê/cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 32.

22 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu dịch vụ tại Depot	922.737.078.287	766.900.008.683
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ ngoài Depot	336.773.137.312	340.260.487.447
Doanh thu dịch vụ khác	95.559.746.538	78.565.174.080
	<u>1.355.069.962.137</u>	<u>1.185.725.670.210</u>
Các khoản giảm trừ	<u>-</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần dịch vụ tại Depot	922.737.078.287	766.900.008.683
Doanh thu thuần dịch vụ vận tải, xếp dỡ ngoài Depot	336.773.137.312	340.260.487.447
Doanh thu thuần dịch vụ khác	95.559.746.538	78.565.174.080
	<u>1.355.069.962.137</u>	<u>1.185.725.670.210</u>

23 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	931.290.501.686	807.598.481.878
Chi phí nhân viên	77.591.452.163	71.386.863.487
Chi phí nguyên vật liệu	70.655.452.359	56.829.815.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.252.307.147	26.342.656.639
Khác	19.549.009.970	19.975.527.047
	<u>1.124.338.723.325</u>	<u>982.133.344.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.323.478.348	7.273.093.829
Cổ tức được chia	2.970.000.000	2.722.500.000
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	45.085	-
Lãi thuần từ bán các khoản đầu tư dài hạn khác	-	38.371.818
	<u>8.293.523.433</u>	<u>10.033.965.647</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền vay	1.236.186.788	1.532.404.369
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	21.562
	<u>1.236.186.788</u>	<u>1.532.425.931</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí hoa hồng	27.518.348.947	19.265.805.127
Chi phí hội thảo quảng cáo	3.566.935.552	2.839.433.500
Khác	2.034.479.499	3.098.371.000
	<u>33.119.763.998</u>	<u>25.203.609.627</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	37.910.047.829	34.430.962.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.561.437.369	8.469.346.859
Chi phí đồ dùng văn phòng	860.230.047	2.268.052.073
Chi phí khấu hao TSCĐ	649.768.793	880.581.905
Khác	19.774.808.620	15.712.456.707
	<u>67.756.292.658</u>	<u>61.761.400.289</u>

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	153.080.351.978	140.388.520.741
Thuế tính ở thuế suất 20%	30.616.070.396	28.077.704.148
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(594.000.000)	(544.500.000)
Chi phí không được khấu trừ	856.324.121	827.833.721
Thu nhập chịu thuế từ hợp tác kinh doanh	680.140.140	467.976.434
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(288.458.344)	(123.761.023)
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại năm trước	204.834.937	851.047.047
Phần lãi trong công ty liên kết	(3.240.893.576)	(3.091.601.033)
Dự phòng thiếu các năm trước	-	453.310.094
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>28.234.017.674</u>	<u>26.918.009.388</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	28.234.017.674	26.918.009.388
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>28.234.017.674</u>	<u>26.918.009.388</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	943.418.874.607	825.279.892.101
Chi phí nhân viên	115.501.499.992	105.817.826.232
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.655.452.359	56.829.815.068
Chi phí khấu hao TSCĐ (*)	33.474.906.681	34.626.408.198
Khác	62.164.046.342	46.544.412.436
	<u>1.225.214.779.981</u>	<u>1.069.098.354.035</u>

(*) Chi tiết chi phí khấu hao TSCĐ:

	2022 VND	2021 VND
Tổng khấu hao đã trích trong năm (Thuyết minh 9)	34.807.958.038	36.090.062.712
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.333.051.357)	(1.463.654.514)
Chi phí khấu hao của Nhóm công ty	<u>33.474.906.681</u>	<u>34.626.408.198</u>

30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Nhóm công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Nhóm công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Nhóm công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Ban Giám đốc đánh giá rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	721.807.466.046	690.931.132.222
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	6.137.093.855	8.952.197.672
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	5.292.361.707	2.372.632.143
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.148.992.000	3.148.992.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	2.970.230.821	2.522.325.181
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.349.662.977	2.631.666.419
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.020.399.517	762.465.376
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	515.321.132	379.594.544
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	504.524.546	413.113.698
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	360.472.000	4.735.577.325
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	304.036.393	311.004.122
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	81.914.588	156.554.582
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	35.250.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	28.583.333	15.163.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	16.348.821	6.654.545
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	12.900.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	3.866.000
	<u>743.585.557.736</u>	<u>717.342.939.465</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	282.375.944.602	146.921.943.748
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	261.757.836.154	263.281.125.762
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	48.608.137.196	31.060.861.074
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	35.007.717.933	30.084.176.260
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.051.263.576	11.479.588.568
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	10.594.514.800	9.805.481.700
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.373.034.000	1.227.273.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	1.231.835.335	1.981.502.642
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	1.075.575.925	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	719.666.766	121.983.272
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	588.014.800	6.083.206.366
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	554.279.796	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	307.021.573	216.727.279
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	260.331.000	1.694.043.963
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	254.938.000	41.994.454
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	150.900.000	40.600.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	141.196.000	251.218.000
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	127.371.683	62.032.728
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	95.008.183	70.892.955
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	89.161.200	111.429.456
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	5.185.186	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	-	505.548.000
	660.368.933.708	505.041.629.327

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iii) Chia cổ tức		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	64.599.369.912	76.906.365.000
iv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	13.500.000.000	11.880.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	2.970.000.000	2.722.500.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	500.000.000	-
	<u>16.970.000.000</u>	<u>14.602.500.000</u>
v) Chia doanh thu hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	4.622.837.882	4.442.407.543
vi) Chia chi phí hợp tác kinh doanh		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	3.177.839.108	3.419.159.490
vii) Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	10.799.042.243	7.379.222.938

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng quản trị		
Ông Lê Hoàng Linh	1.396.816.389	1.133.994.999
Ông Lê Văn Cường	1.248.807.616	1.059.669.442
Ông Ngô Ngọc Khánh	140.749.659	-
Ông Hoàng Đức Thịnh	89.331.476	30.000.000
Ông Võ Đắc Thiệu	84.150.417	105.306.160
Ông Nguyễn Xuân Bình	84.150.417	105.306.160
Ông Nguyễn Văn Uẩn	33.091.922	254.985.149
Ông Phạm Trung Nghị	30.000.000	-
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Trường	538.594.187	-
Bà Nguyễn Thị Nhu	332.254.944	609.144.397
Ông Phạm Văn Phụng	89.331.476	30.000.000
Bà Lê Thị Kim Chung	49.554.317	15.000.000
Bà Vũ Thị Lan Anh	24.818.942	75.306.160
Bà Phạm Kim Oanh	16.545.961	45.204.107
Ban Giám đốc		
Ông Đặng Thanh Sơn	861.004.874	801.376.389
Ông Châu Thanh Hải	837.233.099	445.538.195
Ông Phạm Văn Hùng	834.873.250	864.033.923
Bà Phạm Thị Thu Hà	685.233.684	613.120.211
Ông Nguyễn Văn Hòa	574.226.844	6.978.505
	<u>7.950.769.474</u>	<u>6.194.963.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022	2021
	VND	VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	99.898.778.699	184.524.688.094
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.224.152.321	928.373.129
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	850.227.840	1.600.442.837
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	367.726.422	301.245.575
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	304.877.200	102.491.066
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	142.655.000	238.513.231
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	73.928.160	55.440.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	54.097.200	98.144.872
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	42.363.560	132.268.007
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	2.187.241.167
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	-	157.400.040
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	1.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	4.270.000
	<u>102.958.806.402</u>	<u>190.331.718.018</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	366.103.800	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	11.250.000
	<u>597.103.800</u>	<u>11.250.000</u>
iii) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	-	231.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	49.134.840.954	83.299.963.649
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	9.483.298.399	6.224.919.547
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	6.121.917.835	28.822.712.383
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.913.478.396	7.271.464.486
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	2.911.973.652	4.124.152.820
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	314.884.800	-
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	185.968.838	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	14.727.273	15.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	239.405.500
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	297.818.360
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	-	8.712.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	-	7.326.290
	<u>72.081.090.147</u>	<u>130.311.475.035</u>
v) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	8.376.115.400	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	8.269.796.713	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	472.582.400	1.881.932.853
	<u>17.118.494.513</u>	<u>1.881.932.853</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15(a))		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	10.799.042.243	13.399.222.938
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.328.975.409	1.638.148.064
	<u>13.128.017.652</u>	<u>15.037.371.002</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
vii) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 15(b))		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	20.750.000.000	20.750.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	6.000.000.000	-
	<u>26.750.000.000</u>	<u>20.750.000.000</u>

32 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Nhóm công ty là bên đi thuê

Nhóm công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	193.242.480.291	208.242.874.250
Từ 1 đến 5 năm	82.662.134.084	97.985.966.740
Trên 5 năm	6.471.036.000	5.933.268.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>282.375.650.375</u>	<u>312.162.108.990</u>

(b) Nhóm công ty là bên cho thuê

Nhóm công ty đã ký các hợp đồng cho thuê hoạt động, theo đó khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	74.072.998.568	73.897.998.222
Từ 1 đến 5 năm	25.100.116.378	21.408.503.772
Trên 5 năm	26.418.939.000	22.280.290.000
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	<u>125.592.053.946</u>	<u>117.586.791.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023.



Nguyễn Xuân Tân
Người lập



Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Cường
Giám đốc